

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Điện thoại: 0220.3 853848 - Fax: 0220.3 853848 - Hotline: 18001107 - Website: hdpharma.vn

Bay cao cùng năm tháng

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý cổ đông của Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Công ty Cổ phần Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương (“DHD”) trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 (“ĐHĐCĐ”) như sau:

1. Thời gian: 08h00 ngày 28 tháng 04 năm 2021

2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

3. Nội dung Đại hội:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 & kế hoạch năm 2021;
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020;
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến cổ tức năm 2021;
- Mức thù lao chi trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc năm 2020 và dự kiến thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc năm 2021;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021;
- Phương án trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu;
- Sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”).

4. Điều kiện tham dự: Tất cả các cổ đông theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của DHD được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 25/03/2021 và người được cổ đông theo danh sách trên ủy quyền tham dự họp lệ.

5. Hình thức tham dự: Bỏ phiếu điện tử.

Mỗi cổ đông sẽ nhận được thông tin đăng nhập trên website: <https://ezgsm.fpts.com.vn> trong thư mời.

6. Ủy quyền tham dự Đại hội: Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng *Đăng ký Ủy quyền dự Đại hội* tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn>.

Trong trường hợp không có người đại diện ủy quyền dự Đại hội, Quý Cổ đông có thể ủy quyền cho một trong số các Thành viên Hội đồng Quản trị và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước ngày **28/04/2021**.

7. Biểu quyết, thảo luận tại Đại hội:

- Biểu quyết trực tuyến tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn>;
- Gửi nội dung câu hỏi qua email: info@hdpharma.vn với tiêu đề “*V/v thảo luận ĐHĐCĐ 2021 DHD – [Mã cổ đông]*” hoặc theo đường bưu điện về địa chỉ dưới đây trước ngày **28/04/2021**.

8. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0220.3843733;

Email: info@hdpharma.vn

Thông tin đăng nhập hệ thống Đại hội cổ đông trực tuyến tại website:
<https://ezgsm.fpts.com.vn>

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Việt

Ghi chú:

- Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.
- Tài liệu Đại hội được đăng tải tại: <https://ezgsm.fpts.com.vn/> và trên website của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương: <http://hdpharma.vn/>.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

....., ngày tháng ... năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN
(V/v Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Công ty cổ phần Dược Vật Tư Y tế Hải Dương)

1. BÊN ỦY QUYỀN :

Tên cổ đông:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số: cấp ngày tại
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần sở hữu:
(*Bằng chữ:*))

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Tên cá nhân/tổ chức:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số: cấp ngày tại
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền:
(*Bằng chữ:*))

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, của Công ty cổ phần Dược Vật Tư Y tế Hải Dương vào ngày 28/04/2021 và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

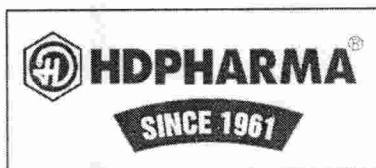
Giấy Ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dược Vật Tư Y tế Hải Dương năm 2021.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty cổ phần Dược Vật Tư Y tế Hải Dương.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BÊN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền lại cho người khác dự họp.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Đ/c: Số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Điện thoại: 0220.3 853848 - Fax: 0220.3 853848 - Hotline: 18001107 - Website: hdpharma.vn

Bay cao cùng năm tháng

CHƯƠNG TRÌNH CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: 08h00 ngày 28 tháng 4 năm 2021

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Thời gian	Nội dung chi tiết
7h30 - 8h00	Đón tiếp Đại biểu tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
	Kiểm tra tư cách Đại biểu và phát tài liệu
8h00 - 8h45	Khai mạc đại hội và giới thiệu Đại biểu
	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
	Giới thiệu và thông qua Đoàn chủ tọa Đại hội
	Chỉ định Ban thư ký, Đề xuất Ban kiểm phiếu và thông qua
	Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết
Thông qua chương trình Đại hội	
Phần 1: 8h45 - 9h45 Các Báo cáo & Tờ trình	Báo cáo:
	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020
	- Báo cáo hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
	- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.
	Tờ trình:
	- Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2020;
	- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự toán tài chính năm 2021;
	- Tờ trình thông qua chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và đề xuất năm 2021;
	- Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021;
	- Tờ trình phương án trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu;
- Tờ trình Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;	
- Tờ trình Sửa đổi Quy chế quản trị công ty;	
- Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;	

Thời gian	Nội dung chi tiết
	- Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; - Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
9h45 – 10h00	Thảo luận về các báo cáo và các tờ trình
Phần 2: 10h00 – 11h00 Biểu quyết tại Đại hội	Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội
11h00 – 11h15	Nghỉ giải lao
11h15 – 11h25	Công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội
11h25 – 11h45	Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội
11h45 – 12h00	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội Tổng kết và tuyên bố bế mạc Đại hội

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Việt

DỰ THẢO

Hải Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ

TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 28/04/2021 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương (Công ty) (Sau đây gọi là “Đại hội”).
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Cơ sở pháp lý

1. Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“Luật Doanh nghiệp năm 2020”);
2. Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019
3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định 155/2020/NĐ – của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
5. Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông của DHD thông qua theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-ĐHĐCĐ-DHD ngày 31 tháng 03 năm 2020.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “**Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**” là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức dưới hình thức đại hội trực tuyến để thực hiện các quyền biểu quyết của mình.

2. **“Bỏ phiếu điện tử”** là việc cổ đông/người đại diện theo ủy quyền kết nối Internet và thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo.
3. **“Hệ thống bỏ phiếu điện tử”** là hệ thống cung cấp cho cổ đông/người đại diện theo ủy quyền các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
4. **“Yếu tố định danh”** là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
5. **“Xác thực”** là để kiểm tra, xác minh các thông tin của đối tượng có đúng là những thông tin mà đối tượng cung cấp, hoặc khai báo.
6. **“Bầu dồn đều”** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.
7. **“Bầu ghi số”** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đại diện.
8. **“Sự kiện bất khả kháng”** là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, khả năng cho phép.

Điều 4. Điều kiện tham dự Đại hội

Là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội.

Điều 5. Quy định về ủy quyền tham dự Đại hội

Trường hợp cổ đông không tham dự Đại hội trực tiếp có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự Đại hội. Việc ủy quyền phải tuân thủ các quy định về ủy quyền dự họp của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác có liên quan và phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Quyền của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:
 - a) Được tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương;
 - b) Được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung Chương trình Đại hội;
2. Nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:
 - a) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Việc đăng ký dự họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được Công ty hướng dẫn cụ thể trong thông báo mời họp;
 - b) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Ban Chủ tọa cho phép;
 - c) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định tại Quy chế này và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng Quản trị quyết định trước ngày khai mạc Đại hội để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp của Giấy ủy quyền của cổ đông;
2. Kiểm tra tư cách cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và tình hình cổ đông/người đại diện cổ đông dự họp;
3. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Ban Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội;
 - Lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Ban Chủ tọa, Đại hội khi thực hiện nhiệm vụ của mình;

- Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Ban Thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban Chủ tọa và Ban Thư ký

1. Ban Chủ tọa do Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội;
2. Quyết định của Ban Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
3. Ban Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
4. Ban Chủ tọa có quyền hoãn họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - a) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
5. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban Chủ tọa.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để họp Đại hội.

Điều 11. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội dự kiến sẽ diễn ra trong buổi sáng **ngày 28/04/2021**.
2. Hình thức đăng ký tham dự và bỏ phiếu điện tử thông qua Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định cụ thể trong ***Quy chế hướng dẫn tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử*** tại Phụ lục I Quy chế này.
3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung trong chương trình Đại hội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

Điều 12. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành

1. Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 Quy chế này, thì việc thông báo mời họp Đại hội lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Đại hội lần thứ nhất dự định khai mạc. Đại hội lần hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp Đại hội lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì phải thông báo mời họp Đại hội lần thứ 3 phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Đại hội lần thứ 2 dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp.

Chương IV

NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ BIỂU QUYẾT

Điều 13. Nguyên tắc biểu quyết

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến cổ đông của tất cả cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp Đại hội. Mỗi vấn đề biểu quyết có số phiếu biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà cổ đông sở hữu/người đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Cách thức biểu quyết

Cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) các vấn đề trong chương trình Nghị sự tại Đại hội thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo.

Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tuân thủ theo quy định tại ***Quy chế hướng dẫn tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử*** tại Phụ lục I Quy chế này.

Điều 15. Thể lệ biểu quyết

1. Mỗi cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu ứng với một phiếu biểu quyết. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đại diện được đại diện tham dự họp theo đăng ký tham dự Đại hội.
2. Các vấn đề cần biểu quyết tại cuộc họp Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, trừ các vấn đề được quy định tại **Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty**.

Chương V

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Biên bản họp Đại hội

Nội dung họp Đại hội phải được lập thành Biên bản. Biên bản họp Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc họp Đại hội, Biên bản có chữ ký của Ban Chủ tọa và Ban Thư ký. Biên bản họp Đại hội là cơ sở để ban hành các Nghị quyết của Đại hội.

Chương VI

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 6 Chương, 17 Điều, 01 Phụ lục và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Trung Việt

PHỤ LỤC I: QUY CHẾ HƯỚNG DẪN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương (Công ty).

Điều 2. Điều kiện, cách thức tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham dự:

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty hoặc được ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp;
- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thiết bị điện tử có kết nối được mạng Internet bao gồm nhưng không giới hạn: máy tính, điện thoại di động, các thiết bị điện tử khác có kết nối được Internet.

2. Cách thức tham dự:

- Mỗi cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty được cung cấp một và chỉ một tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Cổ đông khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đến việc đăng nhập vào hệ thống và các yếu tố định danh khác phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Công ty sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.
- Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ cho Công ty. Đồng thời để bảo mật thông tin cá nhân cho cổ đông, Công ty có thể yêu cầu cổ đông cung cấp lại thông tin cá nhân, tối thiểu bao gồm: Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, Số điện thoại di động, hòm thư điện tử (địa chỉ email), địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (địa chỉ liên lạc) đối với cá nhân; và Số ĐKKD, Số điện thoại liên hệ, địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức. Công

ty có thể gửi thông tin tên đăng nhập và mật khẩu để cổ đông tham dự và biểu quyết như đã đề cập tại Khoản 3 Điều này cho cổ đông thông qua hòm thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông.

- Cổ đông thông qua hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định luật hiện hành. Theo đó, với người đại diện được ủy quyền, sau khi nhận được ủy quyền bằng văn bản của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền có xác nhận hợp lệ, Công ty sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên nhận ủy quyền để đại diện theo ủy quyền tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. Công ty cung cấp thông tin đăng nhập cho đại diện được ủy quyền theo thông tin ủy quyền do cổ đông cung cấp và được thực hiện như hình thức gửi thông báo mời họp cho các cổ đông (thông qua thư mời/ hòm thư điện tử/ số điện thoại). Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về Công ty.

Điều 3. Cung cấp thông tin đăng nhập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong Thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Công ty quy định). Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Công ty có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại.
3. Công ty khuyến nghị Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi nhận được thông tin đăng nhập tối thiểu bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được biểu quyết tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy

định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

2. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết quả bỏ phiếu của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông trên hệ thống bỏ phiếu điện tử được coi là quyết định cuối cùng của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
3. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nếu như nguyên nhân là do Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

Điều 5. Cách thức ghi nhận Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được tính là dự họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức tham dự trực tuyến tại thời điểm Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông báo cáo kết quả công khai tại Đại hội là Cổ đông và đại diện được ủy quyền đã biểu quyết ít nhất một nội dung trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 6. Thực hiện Ủy quyền

1. Cổ đông có thể ủy quyền theo quy định tại Điều 5. Quy định Quy định về ủy quyền tham dự Đại hội tại Quy chế tổ chức Đại hội.
2. Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền của Công ty.
 - Giấy ủy quyền theo mẫu ủy quyền có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
 - Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

3. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã được phê duyệt ủy quyền: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
4. Hủy bỏ ủy quyền không có hiệu lực nếu người đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết với bất kỳ vấn đề nào của nội dung trong Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Ban Chủ tọa điều phối, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đối với Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và các đại diện được ủy quyền có thể đặt câu hỏi trực tiếp hoặc gửi câu hỏi về doanh nghiệp thông qua kênh trực tuyến mà Công ty lựa chọn để tổ chức hội nghị hoặc hình thức khác được Công ty hướng dẫn trong Thông báo mời họp. Ban Thư ký có trách nhiệm lưu lại tên Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, mã Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) và nội dung câu hỏi.

Điều 8. Nguyên tắc và cách thức thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Kể từ thời điểm nhận được tên đăng nhập và mật khẩu vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền truy cập và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Kết thúc thời gian bỏ phiếu quy định trên thông báo của hệ thống bỏ phiếu điện tử, hệ thống sẽ không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
2. **Biểu quyết:** Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, đối với từng nội dung, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” trên Phiếu biểu quyết đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau khi hoàn thành biểu quyết tất cả nội dung cần biểu quyết tại một lần biểu quyết, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nhấn “**Biểu quyết**” để lưu và gửi kết quả biểu quyết về hệ thống.
3. Trường hợp chương trình họp được bổ sung nội dung do cổ đông/nhóm cổ đông kiến nghị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Cổ đông/người đại

diện theo ủy quyền của cổ đông có thể tiến hành biểu quyết bổ sung. Nếu các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông không tiến hành biểu quyết bổ sung thì được coi là không biểu quyết với những nội dung này.

4. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết nhiều lần nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc thời gian bỏ phiếu từng lần theo quy định.

Điều 9. Cách thức kiểm phiếu điện tử

Biểu quyết: Phiếu biểu quyết của mỗi Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đều được hệ thống ghi nhận theo: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến.

Điều 10. Các sự kiện bất khả kháng

1. Trong thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, mất điện, mất kết nối đường truyền Internet hoặc các sự cố kỹ thuật khác, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác... Công ty huy động tối đa mọi nguồn lực để khắc phục các sự cố và đại hội có thể tiếp tục diễn ra, nhưng không quá 60 phút kể từ thời điểm gặp sự cố.
2. Trường hợp các sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Việt



3700XX

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: DHD.000XXX

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **X** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **Y** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: Z cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020; Báo cáo hoạt động SX- KD năm 2020 và kế hoạch SX – KD năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự toán tài chính năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Tờ trình phương án trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Tờ trình thông qua chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và đề xuất năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Tờ trình Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Tờ trình Sửa đổi Quy chế quản trị công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09: Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô:
Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối
với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 28 tháng 04 năm 2021

ĐẠI BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hải Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính thưa các vị khách quý!

Kính thưa các thành viên HDPHARMA!

Như thường lệ, hàng năm, Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên để Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc báo cáo kết quả làm việc của một năm và trình bày những kế hoạch, chiến lược cho năm tới.

Tôi thay mặt cho Hội đồng quản trị báo cáo trước Đại hội hoạt động của Hội đồng quản trị và những kết quả đạt được trong năm 2020, những khó khăn và phương hướng phát triển cho Công ty giai đoạn 2020-2024 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Nhân sự Hội đồng Quản trị

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024 được Quý cổ đông tín nhiệm bầu chọn và đến ngày báo cáo bao gồm có 3 thành viên:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
1	Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT– Tổng Giám đốc Công ty
3	Trần Phúc Dương	Thành viên HĐQT

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để giải quyết những vấn đề chiến lược cũng như cấp bách của Công ty.

- Cùng tham gia điều hành và giải quyết rất nhiều vấn đề liên quan đến điều hành cùng Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

- Hàng năm HĐQT đã báo cáo Đại hội cổ đông thường niên về hoạt động của HĐQT, cụ thể về việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc điều hành trong năm tài chính.

II. TÌNH HÌNH NỀN KINH TẾ NĂM 2020 VÀ NHỮNG ĐẶC THÙ CỦA NGÀNH DƯỢC

1. Tình hình chung

Năm 2020 là một năm đặc biệt đối với nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam. Đại dịch COVID-19 kéo trong cả năm đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Đại dịch COVID-19 gây ra khủng hoảng sức khỏe cộng đồng, khủng hoảng kinh tế và sinh kế, hiện nay nhiều nền kinh tế lớn đang rơi vào suy thoái nghiêm trọng. Đại dịch cũng làm cho nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn: thị trường tiêu thụ trong nước bị thu hẹp, sự sụt giảm đơn hàng xuất khẩu và khó khăn trong lưu thông hàng hóa; chi phí lưu kho, vận chuyển tăng cao. Có tới 87,2% doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực bởi COVID-19. Nhiều doanh nghiệp phá sản, nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng sản xuất kinh doanh.

Ngành Dược cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng đó. Các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng lớn từ những khó khăn của đại dịch:

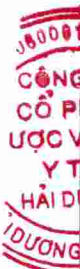
- Nhiều lần giãn cách xã hội dẫn đến việc tổ chức công việc sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn;

- Gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn đến nhiều nguyên phụ liệu cho sản xuất tăng giá và khan hiếm.

- Mọi hoạt động của các cơ quan quản lý bị chậm lại dẫn đến nhiều việc bị ách tắc.

2. Hoạt động và kết quả đạt được của HDPHARMA năm 2020

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nhưng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, HDPHARMA vẫn đảm bảo hoạt



động hiệu quả trong thời kỳ đại dịch, đạt được những kết quả không kém những năm trước (kết quả cụ thể cổ đông có thể tham khảo tại báo cáo tài chính và báo cáo của Ban Tổng Giám đốc).

Những công việc đã làm trong năm 2020, sẽ được trình bày cụ thể tại Đại hội, bao gồm:

- Liên quan đến dây chuyền EU;
- Liên quan đến những dây chuyền sản xuất cũ;
- Chương trình chất lượng sản phẩm;
- Chiến lược sản phẩm và nghiên cứu phát triển;
- Công tác tài chính;
- Chiến lược phát triển hệ thống kinh doanh hiện đại;
- Chiến lược nhân sự.

III. KẾ HOẠCH NĂM 2021 VÀ THỜI GIAN TỚI

Để đạt được mục tiêu đặt ra, Hội đồng Quản trị đưa ra kế hoạch hoạt động năm 2021 và những năm tiếp theo như sau:

1. Dây chuyền EU: chiến lược của Công ty là sẽ cố gắng bắt đầu sản xuất để dây chuyền duy trì làm việc. Song song với việc đó, chúng ta sẽ đăng ký khoản 100 sản phẩm để tương lai có thể sản xuất đại trà trên dây chuyền. Dự kiến thẩm định GMP EU vào cuối tháng 5, đầu tháng 6 năm 2021.

2. Liên quan đến những dây chuyền sản xuất cũ: tiến hành tái thẩm định GMP WHO tại Nhà máy 1 (địa chỉ số 102, phố Chi Lăng); tăng cường đăng ký các sản phẩm để dây chuyền cũ phát triển, tăng công suất.

3. Chương trình chất lượng sản phẩm: đặt mục tiêu và kế hoạch cho khối Chất lượng để ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm, lấy chất lượng là trung tâm.

4. Chiến lược sản phẩm và nghiên cứu phát triển: tiếp tục xây dựng và phát triển bộ phận Nghiên cứu phát triển thành bộ phận chủ chốt của Công ty, để có được danh mục số đăng ký thuốc lớn và bao phủ ở nhiều dạng bào chế và công dụng khác nhau.



5. Công tác tài chính: tiếp tục tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành thêm cổ phiếu. Dự kiến chuyển cổ phiếu từ sàn UPCOM sang sàn niêm yết khác.

6. Về phát triển hệ thống kinh doanh hiện đại: tăng cường phát triển các chi nhánh và phát triển hệ thống bán hàng OTC, ETC trong toàn quốc.

7. Công tác nhân sự: tiếp tục có chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng nhân sự, thu hút nhân tài và có kinh nghiệm.

8. Công tác marketing: phát triển Phòng Marketing thành bộ phận chủ chốt của Công ty.

Năm nay sẽ là một năm khó khăn vì riêng dịch bệnh chưa kết thúc. Tuy nhiên, chúng tôi tin tưởng rằng với chiến lược đúng, sự quyết tâm cố gắng của toàn Công ty, HDPHARMA sẽ có một tương lai tươi sáng.

Chúc Quý cổ đông sức khỏe tốt và cảm ơn vì sự tin tưởng dành cho Công ty chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Trung Việt



Hải Dương, ngày 28 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021**

Kính thưa: Các vị đại biểu khách quý
Thưa toàn thể cổ đông của Đại hội!

Năm 2020 một năm mà ngay từ đầu năm dịch covid 19 đã bùng phát tại Trung quốc và lan sang các quốc gia . Việt nam cũng bị ảnh hưởng vì dịch trong cả năm .Trong năm 2020 chúng ta vừa sản xuất kinh doanh vừa phải đảm bảo phòng chống dịch hiệu quả .Dịch bệnh làm cho sản xuất kinh doanh của công ty ảnh hưởng do giãn cách xã hội do nhu cầu tiêu dùng sụt giảm . Nhà máy số 2 tại khu công nghiệp Cẩm thương mới hoạt động rất ít do chưa có nhiều số đăng ký tại dây truyền GMP- WHO và dây truyền GMP-EU vẫn chưa thẩm định được do lịch thẩm định bị hoãn do chuyên gia chưa sang vì dịch .

Bước sang năm 2021 tình hình dịch bệnh vẫn chưa có chấm dứt dù đã có vacxin . Để phòng chống sự lây lan của dịch bệnh nên năm nay là năm thứ hai công ty tổ chức đại hội trực tuyến thay vì đại hội trực tiếp tại hội trường như các mùa đại hội trước đây .

Kính thưa Đại hội!

Hôm nay tại đại hội đồng cổ đông thường niên tôi xin được báo cáo tóm tắt những việc đã làm trong việc điều hành sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

I. Kết quả đạt được

1. Kết quả sản xuất:

1.1. Về kết quả thực hiện chỉ tiêu giao khoán năm 2020

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2020

ĐVT : 1.000đ

STT	TÊN BỘ PHẬN SX	THỰC HIỆN	% SO VỚI KH CẢ NĂM	
			KH	% SO VỚI KH
1	PX THUỐC ỔNG	40.266.684	52.000.000	77%
2	PX CAO NƯỚC	22.276.549	40.000.000	56%
3	PX THUỐC VIÊN	71.229.436	98.000.000	73%
4	PX NANG MỀM	94.658.559	130.000.000	73%
5	PX KEM MỠ NƯỚC	30.429.270	36.000.000	85%
6	PX EU. VIÊN 2	525.911	10.000.000	5%
7	PX KHẨU TRANG	1.447.700	0	
CỘNG		260.834.109	366.000.000	71,3%

Như vậy, so với chỉ tiêu giao khoán (366 tỷ) thì khối sản xuất đạt 71,3%.

- So sánh với năm 2019

ĐVT : 1.000đ

STT	TÊN BỘ PHẬN SX	NĂM 2019	NĂM 2020	TĂNG (+), GIẢM (-)	% TĂNG, GIẢM
1	PX THUỐC ỔNG	39.438.021	40.266.684	828.663	2,1%
2	PX CAO NƯỚC	29.831.841	22.276.549	-7.555.292	-33,9%
3	PX THUỐC VIÊN	81.873.049	71.229.436	-10.643.613	-14,9%
4	PX NANG MỀM	100.054.330	94.658.559	-5.395.771	-5,7%
5	PX KEM MỠ NƯỚC	20.995.928	30.429.270	9.433.342	31,0%
6	PX VIÊN EU	483.116	525.911	42.795	8,1%
7	PX KHẨU TRANG	0	1.447.700	1.447.700	100,0%
CỘNG		272.676.285	260.834.109	- 11.842.176	- 4,3%

Đánh giá: So với năm 2019 thì giá trị sản lượng sản xuất năm 2020 giảm 4,3%

1.2. Về sản xuất hàng cho khách đặt hàng sản xuất tại Công ty

Do tình hình dịch bệnh nên việc kinh doanh của các khách đặt hàng tại công ty cũng có nhiều thay đổi : số lượng đơn hàng giảm và sản lượng trên sản phẩm và trên đơn hàng cũng giảm nên công ty thay đổi kế hoạch sản xuất nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu của khách hàng . Hiện tại trong số 179 công ty đặt sản xuất tại Công ty, trong đó có:

+ 04 khách hàng có doanh thu trên 10 tỷ

+ 01 khách hàng có doanh thu từ 8 - 10 tỷ; 06 khách hàng có doanh thu từ 5 – 8 tỷ; 08 khách hàng có doanh thu 3 – 5 tỷ; 160 khách hàng có doanh thu dưới 3 tỷ.

Hiện tại công ty có số lượng khách hàng đặt sản xuất là 179 khách hàng nhưng số khách hàng có doanh thu dưới 3 tỷ là 160 nên việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch sản xuất và bố trí sản xuất không chủ động .Dịch bệnh cũng làm cho việc cung cấp nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất bị gián đoạn và chậm cũng làm cho lịch giao hàng cho khách bị thay đổi .

2. Công tác chất lượng

2.1 Công tác Đảm bảo chất lượng

- Công tác GMP-WHO:

+ Trong năm công ty đã tái thẩm định GMP- WHO dây truyền cao nước, dây truyền viên, dây truyền nang mềm ,dây truyền viên sủi ,cốm sủi .

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP-WHO cho tất cả các phân xưởng, GLP, GSP.

+ Tái thẩm định GMP thực phẩm bảo vệ sức khỏe tại 102 Chi lǎng và 307 khu công nghiệp Cẩm thưng.

- Đǎng giá ISO 9001:2015: Đǎng giá chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo phiên bản ISO 9001: 2015 và Đǎng giá cấp chứng nhận mới. Hệ thống quản lý chất lượng trang thiết bị, vật tư y tế ISO 13485: 2015.

- Dây truyền đạt tiêu chuẩn GMP thực phẩm bảo vệ sức khỏe: duy trì hệ thống quản lý chất lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm sản xuất tạo niềm tin cho khách hàng.

- Hậu kiểm thực phẩm bảo vệ sức khỏe GMP nhà máy 102 Chi Lǎng.

2.2. Công tác kiểm tra chất lượng

Tổng số mẫu kiểm nghiệm năm 2020 : 26.093 mẫu trong đó 2400 mẫu thành phẩm 4255 mẫu bán thành phẩm còn lại là các mẫu nguyên liệu ,bao bì ,dược liệu cao dược liệu ...

- Về số lượng: số lượng mẫu tăng lên nhiều ở các nhóm mẫu nguyên liệu, bao bì;

Trong đó: kiểm soát 100% mẫu thành phẩm, 100% mẫu maquete bao bì trước khi in, 100 % mẫu nguyên liệu, bao bì, phụ liệu đầu vào.

- Về chất lượng: năm 2020, Phòng Kiểm tra chất lượng đã gia tăng thêm nhiều phép thử đối với cả nguyên liệu, dược liệu và thành phẩm. Tăng cường kiểm tra chất lượng nguyên liệu, thêm nhiều thử nghiệm tạp chất, tạp chất hữu cơ đối với hoạt chất nguyên liệu dùng làm thuốc, thêm nhiều chỉ tiêu định tính định lượng dược liệu đầu vào nhằm củng cố chất lượng đầu vào, tạo cơ sở cho Phòng Cung ứng lựa chọn được nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất tốt nhất cho công ty, phát hiện nhiều mẫu nguyên liệu, dược liệu kém chất lượng trả lại cho nhà cung cấp, tăng cường các chỉ tiêu xác định tạp chất của nguyên liệu, dược liệu.

Tăng cường kiểm tra chất lượng thành phẩm của thực phẩm bảo vệ sức khỏe, đánh giá độ ổn định của một số nhóm hoạt chất trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe .

2.3. Công tác nghiên cứu phát triển

- Phòng Nghiên cứu đã chú trọng và đẩy mạnh công tác thực nghiệm ở tất cả dạng bào chế của thuốc, TPBVSK, mỹ phẩm. Công tác thực nghiệm, nghiên cứu ngày càng hoàn thiện hơn, tiến hành bàn giao QTSX 100% sản phẩm sản xuất mới. Trong năm phòng nghiên cứu đã bàn giao 311 quy trình sản xuất thuốc ,TPBVSK, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế .

- Trong năm công ty được cấp 16 số đǎng ký trong đó 13 số đǎng ký trong nước và 3 số đǎng ký xuất khẩu .

Hồ sơ nộp mới: 75 hồ sơ đăng ký (trong đó có 8 hồ sơ xuất khẩu cam pu chia và 67 hồ sơ trong nước), 41 hồ sơ đăng ký gia hạn và 47 hồ sơ đăng ký thay đổi.

- Thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Hồ sơ được cấp số 224 hồ sơ.

Các công thức sản phẩm mới đều được rà soát kỹ lưỡng, kết hợp với các bộ phận liên quan để hoàn thiện hồ sơ đăng ký TP BVSK cho phù hợp với thực tế sản xuất.

- Mỹ phẩm và trang thiết bị y tế: Triển khai nhiều sản phẩm mỹ phẩm và trang thiết bị y tế mới. Đã bàn giao và đưa vào sản xuất 59 sản phẩm mỹ phẩm, TTBYT.

4. Công tác Cơ điện – Dự án

- Phối hợp các bộ phận nâng cấp sửa chữa phục vụ thẩm định thành công dây truyền GMP-WHO cốm sủi ,tái thẩm định các dây truyền tại nhà máy Cẩm Thượng. Tái thẩm định thành công GMP thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

- Phòng cơ điện theo sát các phân xưởng sửa chữa thay thế kịp thời các máy móc phục vụ sản xuất đảm bảo các dây truyền sản xuất hoạt động liên tục hiệu quả .

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng tòa nhà văn phòng chi nhánh Hà nội và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Hai công trình đưa vào sử dụng phục vụ kinh doanh tại hai miền thuận tiện và hiệu quả.

5. Công tác kinh doanh

Dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp và kéo dài đã ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế nên nhu cầu về hàng hóa bị suy giảm ,Cạnh tranh thị trường vô cùng khốc liệt ảnh hưởng tới các kênh bán hàng của công ty .Việc giãn cách xã hội làm ảnh hưởng đến việc khám chữa bệnh của các cơ sở y tế công lập và phòng khám . Nhận thức những khó khăn thách thức đó lãnh đạo công ty đã có những chương trình bán hàng thay đổi phù hợp với thị hiếu của khách hàng để việc triển khai bán hàng được thông thoáng và hiệu quả.

Thực hiện tốt công tác chuyên môn, đảm bảo chất lượng hàng hóa, công tác phục vụ khách hàng được cải thiện, tạo được sự tin tưởng của khách hàng.

Thực hiện tốt công tác đấu thầu thuốc, vật tư y tế tại tỉnh Hải Dương và các tỉnh trong toàn quốc đạt được kết quả tốt.Sau khi có kết quả đấu thầu tập trung triển khai đến các đơn vị để hàng hóa đã trúng thầu được sử dụng hết số lượng các đơn vị dự trữ .

Hệ thống kinh doanh đã được phát triển trên phạm vi toàn quốc, công tác bán hàng đã được triển khai đến 63 tỉnh, thành phố.Công tác tuyển dụng và đào

tạo nhân sự khối kinh doanh được thực hiện liên tục nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ kinh doanh .

Hàng sản xuất của công ty đã bước đầu được triển khai xuất khẩu sang các nước Ukrainar, Campuchia, Lào. Sản phẩm của công ty đã tiếp cận với thị trường ngoài nước. Năm 2020 tổng giá trị hàng xuất khẩu còn rất nhỏ (trên 200.000 USD) nhưng là tiền đề để công ty mở rộng và phát triển lĩnh vực này.

Hệ thống kinh doanh đã được kiện toàn và đầu tư bài bản cả về cơ sở vật chất và nhân lực .

+ Chi nhánh TP Hồ Chí Minh đã được xây dựng và hoàn thiện trụ sở mới tại 99 đường 101 phường Thạnh Mỹ Lợi – Quận 2 thành phố Thủ đức và đưa vào sử dụng tháng 7/2020.

+ Chi nhánh Hà Nội đã được xây dựng và hoàn thiện trụ sở mới tại lô đất số 1 ô D6 C phường Xuân La, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội và đưa vào sử dụng tháng 8/2020.

Như vậy cho tới nay cả 3 chi nhánh tại ba vùng Bắc –Trung –Nam đều đã có văn phòng do công ty đầu tư chấm dứt việc đi thuê văn phòng không chủ động về thời gian thuê và công năng sử dụng.

Kiện toàn lại Khối Kinh doanh, kiện toàn lại các đơn vị chuyên môn để vận hành khối Kinh doanh đạt hiệu quả (giải thể Phòng Kinh doanh và Phòng Kinh doanh 1; thành lập Tổ Nghiệp vụ, Tổ Thủ, Ban Kho vận và Thu tiền, Vùng 1, Vùng 2, Vùng 3).

Kết quả kinh doanh

TT	Nội dung	Kế hoạch doanh thu năm 2020 (đã trừ doanh thu nội bộ)	Thực hiện	Đạt %
1	Doanh thu hàng sản xuất	510 tỷ	410,5 tỷ	80,5%
2	Doanh thu hàng kinh doanh +dịch vụ	340 tỷ	234,1 tỷ	68,9%
	Cộng	850 tỷ	644,6 tỷ	75,8%

- Doanh số bán hàng trên cả 2 kênh OTC, ETC tuy chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 nhưng vẫn duy trì được sự tăng trưởng so với năm 2019, kênh OTC tăng 8%, kênh ETC tăng 21%.

- Tổng Doanh số 2020 so với 2019 :

Kênh bán hàng	Doanh số năm 2019	Doanh số năm 2020	Tỷ lệ đạt so với năm 2019	Tỷ lệ đạt so với kế hoạch
OTC	117.245	126.502	108%	73%
ETC	48.547	58.579	121%	88%
Tổng	165.792	185.080	112%	77%

Năm 2020 là một năm rất khó khăn, kết quả bán hàng chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch công ty giao nhưng các địa bàn về cơ bản đã hết sức cố gắng khai thác thị trường các kênh OTC, ETC, kênh phòng khám phòng mạch nên khối kinh doanh giữ được sự tăng trưởng ổn định về doanh số bán hàng so với cùng kỳ năm 2019.

Chiến lược xây dựng hệ thống của công ty đã triển khai được hai năm tuy chưa được như mong muốn nhưng thị phần, khách hàng và hệ thống nhân sự từng bước đi vào ổn định tạo tiền đề cho việc phát triển ở năm 2021.

6. Công tác Tổ chức bộ máy điều hành

6.1. Bộ máy lãnh đạo điều hành

Gồm 1 Chủ tịch HĐQT, 1 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc, 03 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc.

6.2. Hệ thống Phòng ban, phân xưởng, chi nhánh

Công ty có hai nhà máy bao gồm 09 phân xưởng (05 Phân xưởng tại Nhà máy 102 Chi Lăng, 04 Phân xưởng tại Nhà máy HDPHARMA EU).

Hệ thống kinh doanh có 09 chi nhánh (06 Chi nhánh trong tỉnh Hải dương và 03 Chi nhánh Hà Nội, Miền Trung, Miền Nam) .

18 phòng ban chức năng.

6.3. Công tác nhân sự

* Công tác tuyển dụng: tổng số lao động đã tuyển năm 2020 là: 42 người (trong đó trình độ Đại học là 13 người)

* Làm thủ tục chuyển công tác và nghỉ chế độ cho 101 lao động.

- Nâng bậc lương cho cán bộ nhân viên làm công tác nghiệp vụ chuyên môn năm 2020 là 264 người theo đúng chế độ quy định. Thực hiện nâng lương toàn Công ty khi Nhà nước thay đổi mức lương tối thiểu vùng.

- Trong năm 2020 bổ nhiệm 17 cán bộ quản lý, gồm:

+ 01 Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

+ 02 Giám đốc (Giám đốc Sản xuất, Giám đốc Kinh doanh).

+ 03 giám đốc vùng

+ 05 Trưởng phòng (Khách hàng Gia công, Cung ứng, QA EU, QC EU,

Cơ điện EU);

+ 01 Quản đốc Phân xưởng (Viên EU).

+ 05 Phó phòng (Cung ứng, QA EU, Cơ điện EU, NCPT, Kiểm tra chất lượng).

- Thực hiện các chế độ của người lao động đúng theo quy định của pháp luật: tiền lương đảm bảo cuộc sống; chế độ dưỡng sức, thanh quyết toán ốm đau thai sản cho người lao động kịp thời.

7. Công tác tài chính

Một số chỉ tiêu cơ bản trong báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng tài sản	592.460.635.033
2	Vốn chủ sở hữu:	348.000.536.894
2.1	Vốn góp của chủ sở hữu	99.999.450.000
2.2	Thặng dư vốn cổ phần	28.720.000.000
2.3	Quỹ đầu tư phát triển	174.594.214.888
2.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	44.686.872.006

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
2.4.1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	16.328.023.547
2.4.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	28.358.848.459
3	Doanh thu từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	644.658.019.806
4.	Các khoản giảm trừ doanh thu	3.963.399.817
5	Tổng Doanh thu thuần và thu nhập khác	641.400.596.835
5.1	Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	640.694.619.989
5.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	47.527.410
5.3	Thu nhập khác	658.449.436
6	Tổng chi phí	605.475.546.221
6.1	Giá vốn hàng bán	471.745.481.826
6.2	Chi phí tài chính	13.033.225.773
6.3	Chi phí bán hàng	53.755.329.199
6.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	66.566.780.668
6.5	Chi phí khác	374.728.755
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.925.050.614
8	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.351.720.330
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	28.573.330.284
10	Lãi cơ bản/ 01 cổ phiếu	3.103

Năm 2020 công ty chúng ta chỉ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp mà không hoàn thành các chỉ tiêu về giá trị sản lượng sản xuất, doanh số kinh doanh theo nghị quyết đại hội cổ đông đề ra, cụ thể như sau :

Về doanh thu:

- Tổng doanh thu đã trừ doanh thu nội bộ: 644.658.454.806 đồng, đạt 75,8% so với kế hoạch, giảm 3,3% so với năm 2019.

Trong đó:

+ Doanh thu hàng sản xuất: 410.524.636.798 đồng, chiếm: 63,7% trong tổng doanh số và tăng so với năm 2019 là 3,62%.

+ Doanh thu hàng kinh doanh thương mại : 231.401.927.094 đồng, chiếm : 35,9% trong tổng doanh số, giảm so với năm 2019 là 3,6%

+ Doanh thu dịch vụ : 2.731.890.614 đồng, chiếm 0,4% trong tổng doanh số, giảm so với năm 2019 là 0,04%.

- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 35.925.050.614 đồng, tăng 7,86% so với năm 2019.

- Thuế TNDN phải nộp : 7.351.720.330 đ

- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 28.573.330.284đ

- Giá trị sản lượng sản xuất năm: 260.834.109.000đ; đạt 71,3% so với kế hoạch; giảm : 4,3% so với năm 2019.

Đánh giá về nguyên nhân năm 2020 chúng ta không hoàn thành chỉ tiêu “*Giá trị sản lượng sản xuất*” và “*Doanh thu SX – Kinh doanh*”. Năm 2020 công ty đã hoàn thiện dự án đầu tư nhà máy mới tại Cẩm Thượng về việc đầu tư nhà xưởng, Máy móc thiết bị sản xuất và đã thẩm định xong GMP - WHO nhưng khai thác còn rất ít do nhà máy chỉ được cấp 6 số đăng ký. Dây chuyền GMP-EU dự kiến thẩm định vào đầu năm 2020 nhưng do dịch bệnh nên chưa thẩm định được và đang chờ để thẩm định GMP EU. Công ty vẫn đang trong giai đoạn tiếp tục xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh mới , ưu tiên hỗ trợ tối đa cho mở rộng và phát triển thị trường đặc biệt là Miền Trung - Tây Nguyên và Miền Nam. Hệ thống phân phối đã triển khai được 2 năm, song do sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong Ngành dược, sự giảm sút doanh số của nhóm hàng kinh doanh thương mại do sự suy giảm nhu cầu vì dịch bệnh ảnh hưởng của các đợt giãn cách xã hội , sự ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 đã làm chậm lại lộ trình, kế hoạch phát triển thị trường của công ty.

- **Về nguồn vốn:** Trong năm 2020 chúng ta đã duy trì tổ chức lập kế hoạch ngân sách hàng tháng, từ đó có biện pháp hợp lý trong việc sử dụng các nguồn

vốn trong thanh toán, quay vòng vốn nhanh đã giúp tiết kiệm được vốn, tiết kiệm được chi phí vay vốn trong sản xuất kinh doanh, cũng như trong đầu tư.

- **Nộp NSNN:** Năm 2020 đã nộp vào ngân sách nhà nước các loại thuế tổng số tiền là: 7.259.916.989đ, so với năm 2019 giảm 38%, nguyên nhân là toàn bộ thuế GTGT đầu ra năm 2020 đã được khấu trừ với số thuế đầu vào của dự án đầu tư còn lại theo Luật quản lý thuế.

- **Nộp các khoản nghĩa vụ cho người lao động năm 2020:**

+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đã nộp: 13.198.634.461đ, tăng 3,2% so với năm 2019. Nguyên nhân là số LĐ tham gia BH do tuyển dụng mới tăng.

+ Kinh phí công đoàn đã quyết toán: 821.607.122đ, tăng 2,2% so với năm 2019, do quỹ lương đóng bảo hiểm tăng.

- **Thu nhập bình quân năm 2020:**

Thu nhập BQ toàn công ty là 8.375.000đ/ người/ tháng so với cùng kỳ 2019 tăng 10,3% , tương đương số tiền 785.000đ.

- **Đầu tư mua sắm TSCĐ:**

Năm 2020 công ty đã đầu tư mua sắm máy móc thiết bị tiên tiến và nâng cấp nhà xưởng, nhà bán hàng và nhà kho nhằm tăng năng lực sản xuất và tăng chất lượng sản phẩm với tổng tiền đầu tư đã hình thành tài sản là: 16.236.535.419 đồng, trong đó nhà văn phòng và bán hàng tại TP HCM : 5.241.980.000đồng; MM- TB sản xuất và quản lý: 10.087.720.873 đồng và Phương tiện vận tải là : 906.834.546 đồng.

- **Đầu tư cho dự án nhà máy mới tại Cẩm Thượng:**

Nhà máy mới HDPHARMA đã hoàn thành tháng 2/2019 được Cục quản lý dược cấp giấy chứng nhận nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP – WHO. Tháng 12/2019 chuyên gia Châu Âu đã sang và thẩm định GMP – EU cho dây chuyền sản xuất thuốc viên, cốm, sủi không chứa kháng sinh Betalactam đạt tiêu chuẩn GMP- EU, nhưng từ đầu năm 2020 đến nay do đại dịch Covid – 19 xuất hiện và tái bùng phát lần 3 trên toàn cầu, chuyên gia Châu Âu không sang thẩm định theo kế hoạch được, do vậy dây chuyền chưa được cấp chứng chỉ GMP EU và đến nay chưa đưa vào sử dụng được.

- **Công tác khấu hao tài sản cố định:**

Trong năm đã khấu hao: 13.010.875.620 đồng. Trong đó khấu hao nhà xưởng: 3.043.037.866 đồng; khấu hao máy móc thiết bị: 7.897.446.342 đồng và khấu hao Phương tiện vận tải: 2.070.391.412 đồng.

*** Về công tác nghiệp vụ**

- Năm 2020 công tác tài chính ngày càng được kiện toàn bằng hệ thống các qui chuẩn, qui trình công việc, qui chế quản lý tài chính áp dụng đồng bộ toàn công ty. Nguyên tắc thu, chi, qui trình mua sắm, quy trình thẩm định giá ngày càng hoàn thiện. Công tác quản lý tài chính đảm bảo công khai, chính xác và minh bạch. Việc sử dụng vốn trong sản xuất và kinh doanh luôn đúng mục đích, tiết kiệm và đem lại hiệu quả.

- Vấn đề công nợ phải thu đã được kiện toàn và siết chặt hơn. Việc phân loại, giám sát và đốc thúc thanh toán được kết hợp thường xuyên giữa Phòng bán hàng - kế toán - và bộ phận thu tiền. Có những biện pháp kiên quyết trong việc kết hợp giữa bán hàng và thu tiền phù hợp với từng đối tượng, kết quả xử lý nợ đã có nhiều cải thiện đáng kể như thu hồi nợ lâu ngày của một số KH tại CN Hà Nội, CN Hồ Chí Minh và một số bệnh viện ngoài tỉnh.

- Năm 2020 tổ chức cân đối được nguồn vốn, đáp ứng đầy đủ kịp thời vốn cho SX - KD và dự trữ hàng hoá nguyên liệu và tính toán trả trước vốn vay trung hạn nhằm giảm lãi vay trung hạn, sử dụng linh hoạt tiền gửi ngân hàng để tăng hiệu quả từ hoạt động tài chính.

- Chấp hành tốt việc kê khai và nộp đầy đủ kịp thời các khoản thuế, các khoản Bảo hiểm theo Luật quản lý thuế, Luật bảo hiểm.

- Làm tốt công tác báo cáo và phân tích tài chính hàng tháng, quý nhằm kịp thời phục vụ cho HĐQT và Ban giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty. Tổ chức công tác kế toán khoa học, đáp ứng được yêu cầu quản lý tài chính và hạch toán kế toán của Công ty. Chấp hành tốt Luật kế toán và các chuẩn mực kế toán hiện hành

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

Năm 2021 cạnh tranh trong thị trường Dược phẩm trong nước sẽ càng khốc liệt, dịch bệnh chưa có dấu hiệu được khống chế nhưng chúng ta vẫn phải thực hiện mục tiêu kép vừa phát triển sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh hiệu quả. Ban Giám đốc Công ty sẽ đánh giá đúng về năng lực

của hệ thống kinh doanh, đánh giá đúng các đối thủ cạnh tranh; có những định hướng cụ thể và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thị trường.

1. Thay đổi chính sách trong cả hệ thống .

1.1. Chính sách phục vụ sản xuất:

- Không ngừng hoàn thiện ,phát triển đổi mới sáng tạo thực hiện tốt mục tiêu “lấy khách hàng là trung tâm” và kết quả là thước đo giá trị .

- Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP, ISO 9001:2015.ISO 13485.

- CBCNV thực hiện công việc theo đúng quy trình quy chuẩn công việc đã ban hành. Đánh giá kết quả công việc theo KPI.

- Thực hiện tốt công tác chuẩn bị thẩm định và thẩm định GMP-EU dây chuyền sản xuất thuốc viên 1.

- Chuẩn bị tái thẩm định dây truyền GMP- WHO các dây truyền tại nhà máy 102 Chi lăng .

- Kiên trì xây dựng và thực hiện chính sách tổng chất lượng tạo uy tín niềm tin cho khách hàng .

- Tiếp tục đầu tư thêm máy móc thiết bị để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm .

1.2 Chính sách kinh doanh:

Hệ thống kinh doanh là những bộ phận đại diện cho Công ty tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, là cầu nối để đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Theo xu hướng thị trường cạnh tranh hiện nay Khối Kinh doanh nhận định toàn bộ hệ thống phải liên tục hoàn thiện để đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Do đó cần liên tục hoàn thiện các chính sách để hướng tới phục vụ khách hàng tốt nhất, đem tới cho khách hàng tổng chất lượng tốt nhất từ sản phẩm đến các dịch vụ cung ứng hàng hóa.

Năm 2020 Khối Kinh doanh hoàn thiện các chính sách cụ thể:

- Chính sách lương thưởng, năng suất: tạo thu nhập ổn định và động lực cho nhân sự kinh doanh thực hiện doanh số bán hàng

- Chính sách khoán kinh doanh phù hợp để các bộ phận thực hiện.

- Chính sách bán hàng, marketing phù hợp với sản phẩm và thị trường.

- Kịch bản tuyển dụng các nhân sự còn thiếu tại các địa bàn theo chiến lược và định biên nhân sự đã được phê duyệt nhằm tăng độ bao phủ thị trường ,tăng sự hiện diện của các sản phẩm tại các điểm bán qua đó gia tăng doanh số .

- Tuyển dụng nhân sự ETC có chất lượng xây dựng đội ngũ để có thể tham gia đấu thầu trực tiếp tại các tỉnh .Xây dựng danh mục sản phẩm sử dụng cho khối điều trị ,định vị cho các nhân sự về danh mục số lượng cần cài thầu tại từng địa bàn . Khi trúng thầu bám sát để có số lượng sử dụng cao nhất cho gói thầu .

1.3 Chính sách khách hàng gia công

- Thành lập phòng khách hàng gia công có nhân sự chuyên nghiệp để nắm bắt nhu cầu của khách hàng, phục vụ khách hàng kịp thời với phương châm đáp ứng tốt nhất mọi yêu cầu của khách hàng
- Tìm kiếm các khách hàng mới ,mở rộng sản xuất các sản phẩm mới trong lĩnh vực mỹ phẩm ,vật tư y tế nhằm đa dạng hóa sản phẩm .
- Có chính sách ưu đãi với các khách hàng VIP ,các khách hàng có đơn hàng lớn nhằm mang lại lợi ích cho khách hàng .
- Tiếp tục đẩy mạnh việc hợp tác với các đối tác nước ngoài nhằm gia tăng số lượng sản phẩm và giá trị sản lượng hàng xuất khẩu .

2. Thực hiện tốt chỉ tiêu giao khoán năm 2021

2.1. Chỉ tiêu giao khoán sản xuất:

TT	ĐƠN VỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	DOANH SỐ KHOẢN
1	Phân xưởng Tiêm Tra mắt	Tỷ đồng	56
2	Phân xưởng Cao nước	Tỷ đồng	29
3	Phân xưởng Viên	Tỷ đồng	97
4	Phân xưởng Nang mềm	Tỷ đồng	133
5	Phân xưởng Kem mỡ nước	Tỷ đồng	39
6	Phân xưởng Viên 2 EU	Tỷ đồng	16
	Tổng		370

2.2. Chỉ tiêu giao khoán kinh doanh:
ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kênh bán hàng OTC				Kênh bán hàng ETC		Tổng doanh số địa bàn
		Số lượng TDV	Doanh số OTC tính trên số lượng TDV	Doanh số chợ sỉ + bán khác	Tổng doanh số OTC	Số lượng TDV	Doanh số ETC	
1	Vùng 1 (Hải Dương)	11	19,500		19,500	1	24,500	44,000
	Vùng 2	21	24,000		24,000	2	5,500	29,500
2	Vùng 3	29	38,000		38,000	3	21,500	59,500
3	CN Hà Nội	29	30,500	5,500	36,000	2	7,500	43,500
4	CN Miền Trung	26	20,500		20,500	1	4,500	25,000
5	CN TP Hồ Chí Minh	40	40,500	4,500	45,000	6	8,500	53,500
TỔNG CỘNG		156	173,000	10,000	183,000	15	72,000	255,000

Khi tuyển dụng thêm TDV sẽ khoán thêm doanh số cho các khu vực.

- Phân đầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch doanh số bán hàng, tỷ lệ cơ cấu nhóm sản phẩm.

- Đảm bảo các chỉ tiêu phát triển thị trường, khách hàng và hệ thống phân phối gồm số lượng TDV theo định biên và quy mô địa bàn, doanh số TB TDV/tháng.

- Đảm bảo thu tiền hàng đúng hợp đồng, đúng thời gian quy định.

3. Công tác nhân sự

- Kiện toàn nhân sự các vị trí trong toàn Công ty

- Thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp nhằm thúc đẩy tinh thần làm việc của CBCNV.

- Thực hiện chính sách đào tạo liên tục đối với nhân sự để cập nhật chính sách mới, phục vụ tốt hơn trong công việc.

Năm 2021 sẽ đầy thách thức khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh vẫn đang diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu nên toàn thể công ty phải đoàn kết nỗ lực phấn đấu vì công việc, vì sự phát triển bền vững của công ty, duy trì

công việc ổn định cho toàn bộ nhân lực đang có là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn trong giai đoạn này . Khó khăn như vậy nhưng chúng ta phải nỗ lực hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh với chỉ tiêu giá trị sản lượng hàng sản xuất là 366 tỷ đồng và kế hoạch doanh số kinh doanh là 900 tỷ đồng trong đó tỷ trọng hàng sản xuất chiếm 50% tổng cơ cấu doanh số bán hàng

Trên đây là toàn bộ báo cáo tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 trình trước đại hội.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP.



Nguyễn Thị Tú Anh

Hải Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương;

- Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty CP Dược vật tư y tế Hải Dương;
- Căn cứ vào quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định trong điều lệ;
- Căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của công ty.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của BKS theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ công ty. BKS báo cáo trước đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động trong năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 với nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên trong đó:

- Bà Phạm Thị Thủy - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Hương Lan - Thành viên
- Ông Trần Kim Cương - Thành viên

Ban đã lập kế hoạch, phân công và triển khai nhiệm vụ cho từng thành viên, kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của công ty với những nội dung sau:

1. Thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ. Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

2. Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Kiểm soát các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, năm, đảm bảo tính trung thực và hợp lý trong việc ghi chép cập nhật chứng từ sổ sách kế toán. Kiểm tra các hợp

đồng kinh tế, hợp đồng lao động, kiểm soát việc mua bán nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ và các khoản chi phí, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư, thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông.

4. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.

5. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc có nội dung quan trọng trong chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh. Kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với Nghị quyết Đại hội cổ đông. Tham gia ý kiến đóng góp vào một số nội dung công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và một số công tác khác.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Báo cáo tài chính năm 2020

1.1 Số liệu báo cáo tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
1	Tổng Tài Sản	592.460.635.033	623.327.419.095
1.1	Tài sản ngắn hạn	248.046.794.242	287.079.839.005
1.2	Tài sản dài hạn	344.413.840.791	336.247.580.090
2	Nguồn vốn	592.460.635.033	623.327.419.095
2.1	Nợ phải trả	244.460.098.139	299.658.676.360
2.2	Vốn chủ sở hữu	348.000.536.894	323.668.742.735

1.2. Về thẩm tra báo cáo tài chính

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần báo cáo do phòng kế toán công ty lập của năm tài chính 2020. Ban Kiểm soát đã chủ động phối hợp làm việc, thảo luận các nhận xét, thẩm tra các nội dung của báo cáo kiểm toán. Trên cơ sở đó chúng tôi nhất trí với ý kiến của kiểm toán là: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng

yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính.

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2020 của công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán, Ban Kiểm soát có một số ý kiến đánh giá cụ thể như sau:

- Tài sản ngắn hạn giảm: 39.033.044.763đ và nợ phải trả giảm: 55.198.578.221đ. Điều đó khẳng định năm 2020 Công ty đã sử dụng, quản trị hợp lý tài sản ngắn hạn như hàng tồn kho, công nợ phải thu, công nợ phải trả, nhằm hạn chế bị chiếm dụng và tiết kiệm vốn tự có, vốn vay, vốn trong thanh toán và nâng hiệu quả sử dụng vốn.

- Tài sản dài hạn tăng: 8.166.260.701đ. Năm 2020 công ty tiếp tục hoàn thiện việc triển khai đầu tư của dự án nhà máy mới đạt chuẩn GMP – WHO, GMP – EU và đổi mới máy móc thiết bị cho các dây chuyền sản xuất hiện có, được ghi nhận bằng sự tăng trưởng của nhiều tài sản máy móc thiết bị với công nghệ cao và nhà xưởng sản xuất hiện đại như máy đóng túi 6 lines của Italia đạt tiêu chuẩn EU với giá trị: 6.165.647.381đ và một số các máy móc khác.

- Nguồn vốn chủ sở hữu tăng: 24.331.794.159đ, là do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ kết quả sản xuất - kinh doanh của năm 2020.

- Báo cáo tài chính năm 2020 phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng quy định về biểu mẫu và thời gian báo cáo.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán được thực hiện đầy đủ theo các quy định về kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Hồ sơ sổ sách chứng từ kế toán được lập và lưu trữ đầy đủ, sắp xếp gọn gàng, khoa học, dễ truy lục, đáp ứng các yêu cầu của công tác kiểm tra, kiểm toán.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính, công bố các thông tin kịp thời đến cổ đông và Ủy ban chứng khoán theo quy định của Luật.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

Kính thưa toàn thể đại hội!

Năm 2020 là một năm vô cùng sóng gió bởi dịch bệnh Covid – 19 kéo dài đã ảnh hưởng rất lớn tới nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, một số các

doanh nghiệp trong nước đã phải tạm ngừng hoạt động hoặc phá sản và ngành Dược cũng không phải ngoại lệ, một số doanh nghiệp Dược thì trả lương cho người lao động 40 - 60% vì không tiêu thụ được sản phẩm ra ngoài thị trường. Còn đối với công ty chúng ta, HĐQT và ban điều hành đã phải gồng mình để đưa ra các chiến lược phù hợp, các hướng đi đúng đắn và có phương án triển khai kịp thời trong thời kỳ dịch bệnh nên toàn thể CBCNV vẫn đủ việc làm và không ảnh hưởng lớn tới thu nhập của người lao động. Trong khi nhà máy GMP-EU vẫn chưa thẩm định được là do yếu tố khách quan dịch bệnh trên toàn cầu. Với mục tiêu duy trì và ổn định để phát triển năm 2020 là cả một vấn đề áp lực rất lớn cho HĐQT và ban Tổng giám đốc.

Năm 2020 kết quả kinh doanh được đánh giá theo một số chỉ tiêu cụ thể sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020
1. Doanh thu hàng hóa, dịch vụ	644.658.019.806
2. Các khoản giảm trừ	3.963.399.817
3. Doanh thu thuần	640.694.619.989
4. Giá vốn hàng bán	471.745.481.826
5. Lợi nhuận gộp	168.949.138.163
6. Doanh thu hoạt động tài chính	47.527.410
7. Chi phí tài chính	13.033.225.773
8. Chi phí bán hàng	53.755.329.199
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	66.566.780.668
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	35.641.329.933
11. Lợi nhuận khác	283.720.681
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.925.050.614
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.351.720.330
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.573.330.284
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.103

2.1.Đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

- Tổng doanh thu đã trừ doanh thu nội bộ: 644.658.019.806 đồng, đạt 75,8% so với kế hoạch, giảm 3,3% so với năm 2019.

- Giá trị sản lượng sản xuất năm: 260.914.743.520đ; đạt 71,3% so với kế hoạch; giảm : 4,3% so với năm 2019.

2.2.Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2020

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020: 28.573.330.284đ đạt 105,8% kế hoạch và tăng 7,76% so với năm 2019.

- Lãi cơ bản /cổ phiếu năm: 3.103 đ/cổ phiếu giảm so với năm 2019: 1.069đ, tương đương giảm 25,6%. Nguyên nhân chủ yếu tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp chậm hơn tốc độ tăng của cổ phiếu bình quân năm 2020 so với năm 2019. Cụ thể tháng 5 / 2020 công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020 với số cổ phiếu tăng là: 1.999.945CP làm cho cổ phiếu bình quân năm 2020 là: 9.207.617 CP, tăng so với cổ phiếu bình quân năm 2019 là: 2.851.463CP ($9.207.617 CP - 6.356.164 CP$) tốc độ tăng là 45%, trong khi đó lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 tăng 2.621.149.737đ, tốc độ tăng chỉ là 7,54% so với năm 2019.

- Vốn điều lệ cuối năm: 99.999.450.000đ, so với năm 2019 tăng 19.999.450.000đ, tương đương tăng 25%. Đây là kết quả của việc trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2020, làm tăng vốn góp của chủ sở hữu.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về việc thực hiện nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2020

Qua quá trình giám sát các hoạt động, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát không thấy điều gì bất thường.

Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động của công ty, các văn bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật doanh nghiệp và Điều lệ.

Kết quả thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 cụ thể:

+ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Năm 2020 chúng ta không hoàn thành chỉ tiêu “*Giá trị sản lượng sản xuất*” và “*Doanh thu sản xuất- kinh doanh*” . Nguyên nhân chính là từ năm 2019 dự án đầu tư nhà máy mới HDPHARMA tại Cẩm Thượng đã thẩm định xong GMP - WHO, nhưng sự ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 từ đầu năm 2020 đến nay đã làm chậm lại lộ trình thẩm định GPM-EU, do vậy nhà máy mới chưa đưa vào sản xuất được. Hệ thống phân phối theo chiến lược kinh doanh mới toàn quốc đã triển khai được 3 năm, song do sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong Ngành dược dẫn đến sự giảm sút doanh số của nhóm hàng kinh doanh thương mại do một số đơn vị không ủy quyền thầu qua HDPHARMA và đặc biệt là sự ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 đến quá trình bán hàng, quá trình sản xuất cũng như kế hoạch phát triển thị trường của công ty.

+ Chi trả cổ tức 30% theo vốn góp, tương đương với số tiền 23.999.450.000 đồng; Trong đó trả cổ tức bằng cổ phiếu là 25% với số tiền là: 19.999.450.000đ và bằng tiền mặt là 5% với số tiền là : 4.000.000.000đ

+ Trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;

+ Lựa chọn công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2020;

+ Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng nghị quyết.

+ Thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức với số lượng 1.999.945 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đ/1 cổ phiếu, đồng thời đã thực hiện đăng ký lưu ký cho số cổ phiếu trên, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông trong việc giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM.

+ Về việc triển khai và đưa dự án vào hoạt động: Nhà máy mới HDPHARMA tại Cẩm Thượng đã thẩm định xong GMP - WHO từ năm 2019, tuy nhiên đến hết năm 2020 việc thẩm định và cấp chứng chỉ tiêu chuẩn GMP-EU cho dây chuyền sản xuất Thuốc viên, cốm, sủi không chứa kháng sinh Betalactam vẫn chưa xong do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 từ đầu năm 2020 đến nay, mặc dù HĐQT đã có nhiều giải pháp nhưng đến nay Đoàn chuyên gia của EU không sang thẩm định được. Việc kéo dài thời gian thẩm định, chậm đưa nhà máy vào hoạt động ảnh hưởng đến hiệu quả vốn đầu tư, làm tăng một số loại chi phí như chi phí lãi vay, chi phí bảo trì bảo dưỡng máy móc - thiết bị, chi phí tiền lương Những chi phí này đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh chung của toàn công ty.

+ Công tác xây dựng Chi nhánh: Năm 2019 đã hoàn thành nhà bán hàng và văn phòng cho chi nhánh Miền trung tại Đà Nẵng. Năm 2020 chúng ta đã tiếp tục đã hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà bán hàng và văn phòng chi nhánh tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Việc đầu tư mua đất và xây dựng trụ sở kinh doanh cho 3 chi nhánh tại 3 miền là cơ sở để thực hiện chiến lược kinh doanh toàn quốc, xây dựng hệ thống kinh doanh ổn định và phát triển trong tương lai.

III. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2020 Ban Kiểm soát đã phối hợp trong việc triển khai thực hiện các chủ trương của Đại hội đồng cổ đông, tham gia đầy đủ các cuộc họp tháng, quý hoặc bất thường của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách điều hành của ban Tổng Giám đốc, các Nghị quyết do Hội đồng quản trị ban hành đều được sự nhất trí của Ban Kiểm soát.

Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc theo sát chủ trương được Đại hội đồng cổ đông giao, mọi chủ trương, chính sách của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc ban hành đều cung cấp cho Ban Kiểm soát để thực hiện công tác giám sát kiểm tra theo quy định.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Ban Kiểm soát dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

1. Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
2. Giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
3. Thẩm định các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, năm;
4. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng định mức chi phí;
5. Kiểm tra, giám sát hiệu quả các dự án đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm;
6. Kiểm tra, giám sát việc mua bán nguyên phụ liệu, công cụ dụng cụ và các loại hàng hóa khác...

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt

động sản xuất kinh doanh của công ty, Ban Kiểm soát đưa ra một số kiến nghị như sau:

1. Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính Đại hội đồng cổ đông giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho công ty và cổ đông.

2. Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc cần có các biện pháp tích cực hơn nữa về việc thu hồi công nợ.

3. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty có hiệu quả.

4. Kiện toàn chặt chẽ lại việc kiểm tra giám sát chất lượng nguyên phụ liệu, bán thành phẩm, thành phẩm để nâng cao chất lượng của sản phẩm.

5. Kiện toàn phát triển hệ thống cung ứng, bán hàng sản xuất và tăng cường hơn nữa công tác giám sát bán hàng theo đúng quy chế và quy định đề ra, cần có những chiến lược kinh doanh phù hợp khi đưa sản phẩm ra thị trường.

6. Công ty cần chú trọng hơn nữa việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới.

7. Xây dựng phương án phù hợp để đưa nhà máy 2 vào hoạt động và tìm các giải pháp đồng bộ từ sản xuất đến tiêu thụ để khai thác triệt để năng lực sản xuất và lợi thế cạnh tranh của nhà máy đạt chuẩn cao GMP EU.

8. Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc xuất nhập khẩu hàng hóa để đạt hiệu quả cao;

Kính thưa toàn thể Đại hội!

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2020. Tại Đại hội đồng cổ đông hôm nay, Ban Kiểm soát xin kính trình Đại hội.

Thay mặt cho Ban kiểm soát tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể các quý cổ đông đã luôn tin tưởng và ủng hộ chúng tôi trong một năm qua.

Cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban tổng Giám đốc, các phòng ban phân xưởng, Chi nhánh đã phối hợp hoạt động với Ban kiểm soát để Ban hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội cổ đông giao.

Kính chúc các quý vị đại biểu, các quý cổ đông dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc công ty ngày càng phát triển, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, Ban TGD công ty;
- BKS;
- Lưu BTC Đại hội.

TM. BAN KIỂM SOÁT



Phan Thị Thủy



Số: 01 /Tr – HĐQT

TỜ TRÌNH SỐ 01

**V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020
và dự toán tài chính năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 31/03/2020;
- Căn cứ vào kết quả SX - KD của Công Ty CP Dược Vật tư y tế Hải Dương trong năm 2020 và quy định về tỷ lệ trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021, như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020	28.573.330.284
2	Trả cổ tức năm 2020 Tỷ lệ là: 26% /Vốn góp, từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 <u>Hình thức</u> : - Trả bằng cổ phiếu: 20% - Trả bằng tiền mặt: 6%	25.999.857.000
3	Trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS không tham gia điều hành năm 2020 quyết toán theo Điều lệ	278.817.228
4	Lợi nhuận năm nay còn lại	2.294.656.056
5	Lợi nhuận năm trước chưa phân phối chuyển sang	16.328.033.547
6	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối (4+5)	18.622.689.603
7	Tổng lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau	18.622.689.603



Công ty sẽ thực hiện trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đề ra, số tiền là: 25.999.857.000đ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 chuyển sang, tương đương với tỷ lệ là: 26% trên vốn góp.

2. Dự toán tài chính năm 2021:

- Giá trị sản lượng sản xuất: 370 tỷ, trong đó:

TT	Tên đơn vị	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao
1	Phân xưởng Đông dược	Tỷ đồng	29
2	Phân xưởng Viên	Tỷ đồng	97
3	Phân xưởng Nang mềm	Tỷ đồng	133
4	Phân xưởng Tiêm Tra mắt	Tỷ đồng	56
5	Phân xưởng Kem mỡ nước + Mỹ phẩm	Tỷ đồng	39
6	Phân xưởng Viên 2 EU	Tỷ đồng	16
	Tổng		370

- Doanh thu: 850 tỷ, Gồm doanh thu nội bộ: 50 tỷ và Doanh thu bán cho khách hàng: 800 tỷ

Trong đó + Doanh thu hàng kinh doanh thương mại: 320 tỷ, chiếm 40%

+ Doanh thu hàng công ty sản xuất: 480 tỷ, chiếm 60%

- Lãi gộp: 175 tỷ

- Dự kiến lợi nhuận sau thuế là: 29.000.000.000 đồng.

- Dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2021:

+ Trích lập vào quỹ đầu tư phát triển theo điều lệ công ty và nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu hoặc tiền mặt cho các cổ đông dự kiến mức từ 4% đến 6%/ Vốn góp.

Trên đây là nội dung phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020 và kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận cho năm tài chính 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban GD, Ban KS;
- Lưu TC-HC, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Việt

Số: 02/Ttr – HĐQT

TỜ TRÌNH SỐ 02

V/v Thông qua chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và đề xuất năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 31/03/2020;
- Căn cứ vào kết quả SXKD của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương trong năm 2020 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và đề xuất năm 2021, như sau:

1. Thù lao quyết toán trong năm 2020

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị năm 2020 là 3 thành viên
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát năm 2020 là 3 thành viên
- Tổng số lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 28.573.330.284đ
- Thù lao cho HĐQT là: 857.199.909đ; Tương đương 3% lợi nhuận sau thuế năm 2020.

- Thù lao cho BKS là : 285.733.303đ; Tương đương 1% lợi nhuận sau thuế năm 2020.

Như vậy khoản chi thù lao HĐQT và BKS năm 2020 đã thực hiện đúng định mức chi trả theo Điều lệ công ty .

2. Mức thù lao dự kiến chi trả trong năm 2021

Căn cứ vào điều lệ công ty đã được đại hội thông qua và kết quả kinh doanh của năm 2020.

- Thù lao cho HĐQT là 3% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thù lao cho BKS là 1% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp



Trên đây là nội dung kết quả chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét và phê duyệt.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban GD, Ban KS;
- Lưu TC-HC, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Việt



Số: 03/Ttr – HĐQT

TỜ TRÌNH SỐ 03

V/v Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 31/03/2020;
- Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021 như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được UBCKNN và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các các công ty đại chúng;
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Danh sách đơn vị kiểm toán

- Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam;
- Công ty TNHH kiểm toán An Việt;
- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH kiểm toán VACO.



Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị trực tiếp chọn một đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng được những yêu cầu trên để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban GD, Ban KS;
- Lưu TC-HC, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Việt



Số: 04/Ttr – HĐQT

TỜ TRÌNH SỐ 04**V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 31/3/2020,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và đã được Hội đồng quản trị CTCP Dược Vật tư y tế Hải Dương công bố công khai theo quy định. Các Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bao gồm:

- (1) Báo cáo của Ban Giám đốc
- (2) Báo cáo của Kiểm toán viên
- (3) Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020
- (4) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020
- (5) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2020
- (6) Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2020

Trong đó, có một số chỉ tiêu cơ bản:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

ĐVT: Đồng

Tên chỉ tiêu	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	248.046.794.242	287.079.839.005
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	15.995.539.706	24.764.870.630
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	147.830.203.897	170.873.743.916
3. Hàng tồn kho	77.808.418.498	80.303.541.970
4. Tài sản ngắn hạn khác	6.412.632.141	11.137.682.489

B TÀI SẢN DÀI HẠN	344.413.840.791	336.247.580.090
1. Tài sản cố định	322.438.813.241	319.287.312.233
1.1. Tài sản cố định hữu hình	301.086.251.959	297.913.961.877
- Nguyên giá	433.659.144.226	418.907.898.602
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(132.572.892.267)	(120.993.936.725)
1.2. Tài sản cố định vô hình	21.352.561.282	21.373.350.356
- Nguyên giá	24.888.287.846	23.773.287.846
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(3.535.726.564)	(2.399.937.490)
1.3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21.705.091.725	15.609.399.216
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	20.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	269.935.825	1.330.868.641
TỔNG TÀI SẢN	592.460.635.033	623.327.419.095
C - NỢ PHẢI TRẢ	244.460.098.139	299.658.676.360
I. Nợ ngắn hạn	167.332.617.588	191.487.170.879
1. Phải trả người bán	94.411.110.784	117.886.336.371
2. Người mua trả tiền trước	5.258.644.607	2.021.043.296
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.987.400.024	777.868.697
4. Phải trả người lao động	3.732.208.861	1.372.526.684
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	379.395.693	116.763.723
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	212.045.454	0
7. Phải trả ngắn hạn khác	732.863.847	843.419.562
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	51.788.705.588	60.250.578.541
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		0
10. Quĩ khen thưởng phúc lợi	7.830.242.730	8.218.634.005
II Nợ dài hạn	77.127.480.551	108.171.505.481
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	76.113.173.763	106.668.296.925
2. Trái phiếu chuyển đổi		0
2. Quĩ phát triển khoa học và công nghệ	1.014.306.788	1.503.209.556
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	348.000.536.894	323.668.742.735
1. Vốn góp của chủ sở hữu	99.999.450.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	28.720.000.000	28.720.000.000
3. Quĩ đầu tư phát triển	174.594.214.888	174.594.214.888

4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	44.686.872.006	40.354.527.847
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	16.328.023.547	14.014.457.860
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	28.358.848.459	26.340.069.987
TỔNG NGUỒN VỐN	592.460.635.033	623.327.419.095

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
ĐVT: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019
1	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	644.658.019.806	666.958.714.276
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	3.963.399.817	4.713.331.958
3	Doanh thu thuần	640.694.619.989	662.245.382.318
4	Giá vốn hàng bán	471.745.481.826	506.088.940.692
5	Lợi nhuận gộp bán HHóa và dịch vụ	168.949.138.163	156.156.441.626
6	Doanh thu từ hoạt động tài chính	47.527.410	292.044.994
7	Chi phí tài chính	13.033.225.773	10.425.107.168
8	Chi phí bán hàng	53.755.329.199	48.317.557.745
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	66.566.780.668	65.115.836.227
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SX- KD	35.641.329.933	32.589.985.480
11	Thu nhập khác	658.449.436	965.876.768
12	Chi phí khác	374.728.755	250.048.771
13	Lợi nhuận khác	283.720.681	715.827.997
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.925.050.614	33.305.813.477
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.351.720.330	6.789.596.450
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	28.573.330.284	26.516.217.027
17	Lãi cơ bản/ 01 cổ phiếu	3.103	4.172

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban GD, Ban KS;
- Lưu TC-HC, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Việt

Số: 05/Ttr – HĐQT

TỜ TRÌNH SỐ 05

V/v Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020; Báo cáo hoạt động SX- KD năm 2020 và kế hoạch SX – KD năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 31/03/2020;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020;
- Báo cáo hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban GD, Ban KS;
- Lưu TC-HC, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Việt

Số: 06/Ttr – HĐQT

TỜ TRÌNH SỐ 06**Phương án trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương**

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương;
- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020;

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương xem xét và phê duyệt Phương án trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với các nội dung chi tiết như sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu:

Phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ

1. Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
2. Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng phát hành	1.999.989 cổ phần (Một triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm tám chín cổ phần)
4. Tổng giá trị phát hành	19.999.890.000 đồng (Mười chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng)
5. Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
6. Mục đích phát hành	Tăng vốn điều lệ công ty bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
7. Nguồn vốn phát hành	Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thời điểm 31/12/2020 trên Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương
8. Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng được hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu do VSD thông báo
9. Tỷ lệ thực hiện	100:20 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận 20

	cổ phần phát hành thêm)
10. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có)	Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành. <i>Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 150 cổ phiếu, cổ đông A sẽ được nhận cổ phiếu phát hành thêm được tính như sau: $178 : 100 \times 20 = 35,6$ Cổ đông Nguyễn Văn A nhận được 35 cổ phiếu mới (cổ phiếu lẻ 0,6 sẽ bị hủy)</i>
11. Thời gian thực hiện dự kiến	Quý II, III/2021 sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

II. Ủy quyền của đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị:

- Triển khai phương án phát hành chi tiết, lựa chọn thời điểm phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định pháp luật hiện hành.
- Và các công việc khác có liên quan.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Trung Việt

Số: 07/Ttr – HĐQT

TỜ TRÌNH SỐ 07

V/v: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua;

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật, các yêu cầu quản trị và điều hành. Vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi Điều lệ Công ty như sau:

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Căn cứ	Căn cứ	
Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;	Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 38/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.	thay đổi theo Luật DN
4. Căn cứ vào Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.	4. Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;	thay đổi theo văn bản Pháp luật
5. Căn cứ vào Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.	5. Căn cứ vào Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.	thay đổi theo văn bản Pháp luật
Chúng tôi, những cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương nhiệm kỳ 2019 - 2024 đã nhất trí thông qua nội dung bản điều lệ Công ty ngày 31 tháng 3 năm 2020, cùng cam	Chúng tôi, những cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương nhiệm kỳ 2019 - 2024 đã nhất trí thông qua nội dung bản điều lệ Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2021, cùng cam kết thực hiện theo Điều lệ Công ty gồm các	thay đổi theo thực tế

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<i>kết thực hiện theo Điều lệ Công ty gồm các điều khoản sau:</i>	<i>điều khoản sau:</i>	
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Giải thích thuật ngữ:	Điều 1. Giải thích thuật ngữ:	
a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;	a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;	thay đổi theo Luật DN
b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.	thay đổi theo Luật DN
c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.	thay đổi theo Luật Chứng khoán
f. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty.	f. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty.	bỏ chức danh Giám đốc
h. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.	h. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.	thay đổi theo Luật DN
i. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	i. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;	thay đổi theo Luật Chứng khoán

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;	j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 6 Luật chứng khoán;	thay đổi theo Luật Chứng khoán
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	
Công ty có 07 chi nhánh trong tỉnh 01 chi nhánh tại Hà Nội, 01 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, 01 Chi nhánh tại Miền Trung.	Công ty có 06 chi nhánh trong tỉnh 01 chi nhánh tại Hà Nội, 01 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, 01 Chi nhánh tại Miền Trung.	thay đổi theo thực tế
- 07 chi nhánh trong tỉnh có trụ sở tại các huyện trong tỉnh.	- 06 chi nhánh trong tỉnh có trụ sở tại các huyện trong tỉnh.	thay đổi theo thực tế
- Chi nhánh Hà Nội: Lô 36-BT2, Khu nhà ở Bắc Linh Đàm mở rộng vị trí X2, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	- Chi nhánh Hà Nội: Lô 01-D6C, Khu Biệt thự Vườn Đào, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.	thay đổi theo thực tế
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: Số C4/8, Ấp 4, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.	- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: Số 99, đường 101-TML, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.	thay đổi theo thực tế
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những	bỏ	thay đổi theo Luật DN

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.		
Điều 6. Cổ phiếu	Điều 6. Cổ phiếu	
d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;	d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;	bổ sung theo Luật DN
e. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;	bỏ	thay đổi theo Luật DN
f. Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và dấu của công ty (nếu có);	f. Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);	thay đổi theo thực tế
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:	3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:	
a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;	a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;	bổ sung theo Luật DN
b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	bổ sung theo Luật DN

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>4. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</p>	bỏ	
<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</p>	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</p>	
<p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	<p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	bổ sung theo Luật DN
<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p>	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p>	
<p>8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p>	<p>8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p>	thay đổi theo Luật DN
	<p>9. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>	bổ sung theo Luật DN
<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p>	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p>	

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	
c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;	bổ sung theo Luật DN
d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;	d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;	bổ sung theo Luật DN
e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin chính xác;	e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;	bổ sung theo Luật DN
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông có quyền sau đây:	thay đổi theo Luật DN
a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 24 và Điều 33 điều lệ này;	bỏ	
	a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;	bổ sung theo Luật DN
b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật	b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;	

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Doanh nghiệp;		
c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;	bỏ	thay đổi theo Luật DN
d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	bổ sung theo Luật DN
	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:	bổ sung theo Luật DN
	a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;	bổ sung theo Luật DN
	b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.	bổ sung theo Luật DN

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	5. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	bổ sung theo Luật DN
	6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:	bổ sung theo Luật DN
	a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;	bổ sung theo Luật DN

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	bổ sung theo Luật DN
	7. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	bổ sung theo Luật DN
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	
1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	thay đổi theo Luật DN
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Cổ đông có thể uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.	2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định (hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác). Cổ đông có thể uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.	thay đổi theo Luật DN
	7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	bổ sung theo Luật DN

15/10/2021

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
Điều 13. Đại hội cổ đông	Điều 13. Đại hội cổ đông	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>thay đổi theo Luật DN</p>
<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	
<p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p>	<p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p>	<p>thay đổi theo Luật DN</p>
<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý doanh nghiệp cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p>	<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý doanh nghiệp cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p>	<p>thay đổi theo Luật DN</p>
<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p>	

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13;</p>	<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.</p>	<p>thay đổi theo Luật DN</p>
<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p>	<p>thay đổi theo Luật DN</p>
<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>thay đổi theo Luật DN</p>
<p>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>3. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	<p>3. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	
<p>d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;</p>	<p>d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p>	<p>thay đổi theo Luật DN</p>

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;	g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	thay đổi theo Luật DN
n. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đồng thời làm Tổng Giám đốc;	bỏ	
o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	thay đổi theo Luật DN
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định cho cá nhân, tổ chức, việc chỉ định cá nhân, tổ chức trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định cá nhân, tổ chức đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	thay đổi theo Luật DN
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:	
b. Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông 10 ngày bằng phương thức đăng tải lên website công ty;	b. Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc bằng phương thức đăng tải lên website công ty;	thay đổi theo Luật DN
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán (Đối với Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông ...	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán (Đối với Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông ... Hình thức họp trực tuyến có thể được áp dụng khi cần thiết.	
	Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử: Công ty cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.	bổ sung theo Luật DN
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:	5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:	thay đổi theo Luật DN
	a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;	

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10 % cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;	c. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông;	
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết .	thay đổi theo Luật DN
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	thay đổi theo Luật DN
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	1. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.	thay đổi theo Luật DN
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết/ phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Kết quả kiểm phiếu phải công bố công khai tại đại hội.....	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết/ phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. .. Kết quả kiểm phiếu phải công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	thay đổi theo Luật DN
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp khác do Hội đồng quản trị triệu tập ...	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập ...	thay đổi theo Luật DN
6. Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số đại biểu dự họp cần thiết.	6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:	thay đổi theo Luật DN
	a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;	
	b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;	
	c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;	

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia Đại hội.</p>	<p>8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc tổ chức, cá nhân được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc tổ chức, cá nhân được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc tổ chức, cá nhân nêu trên tham gia Đại hội.</p>	<p>thay đổi theo Luật DN</p>
<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này</p>	<p>1. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 Điều này</p>	<p>thay đổi theo Luật DN</p>
<p>c. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p>	<p>c. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p>	<p>thay đổi theo Luật DN</p>
<p>2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p>	<p>2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, hoặc trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này.</p>	<p>thay đổi theo Luật DN</p>

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>bổ sung theo Luật DN</p>
<p>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	
<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	
<p>3. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>3. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	
<p>b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:</p>	<p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p>	<p>thay đổi theo Luật DN</p>
	<p>- Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>bổ sung theo Luật DN</p>

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	d. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	bổ sung theo Luật DN
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:	
c. Trong phạm vi quy định tại Điều 135, Điều 144, Điều 162 Luật Doanh phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn,	c. Trong phạm vi quy định tại Điều 138, Điều 148, Điều 167 Luật Doanh phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn,	
Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	
1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	thay đổi theo Luật DN

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền và đã thông báo cho Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình mà Chủ tịch không ủy quyền cho Phó Chủ tịch, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch.</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền và đã thông báo cho Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch không ủy quyền cho Phó Chủ tịch hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>bổ sung theo Luật DN</p>
<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	
	<p>6. ...Thành viên Hội đồng Quản trị được tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p>	
<p>13. ... Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<p>13. ... Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 16 Điều này.</p>	

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	16. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	bổ sung theo Luật DN
Điều 28. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 28. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	
3. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.	bỏ	phù hợp với thực tế
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:	3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:	
a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ...	a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ...	bổ sung theo Luật DN
Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát	Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát	
1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát ...	1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát ...	
	b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;	bổ sung theo Luật DN
b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;	c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;	thay đổi theo Luật DN
Điều 34. Ban kiểm soát	Điều 34. Ban kiểm soát	

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này	thay đổi theo Luật DN
d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;	d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.	bổ sung theo Luật DN
3. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát		
b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát:	b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau ...	thay đổi theo Luật DN
	- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;	
c. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.		

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	d. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	bổ sung theo Luật DN
Điều 47. Quy định về con dấu Công ty và lưu giữ tài liệu của Công ty	Điều 47. Quy định về con dấu Công ty và lưu giữ tài liệu của Công ty	
2. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty gồm:	2. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty gồm:	
a. Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Sổ đăng ký cổ đông.	a. Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Sổ đăng ký cổ đông, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.	bổ sung theo Luật DN
Điều 50. Thanh lý	Điều 50. Thanh lý	
2. ...Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 202 Luật doanh nghiệp và quy định của Pháp luật.	2. ...Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp và quy định của Pháp luật.	thay đổi theo Luật DN
Điều 53. Ngày hiệu lực	Điều 53. Ngày hiệu lực	

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
2. Điều lệ này thay thế Điều lệ đã ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2020 đã nộp về Sở Kế hoạch đầu tư.	2. Điều lệ này thay thế Điều lệ đã ban hành ngày 26 tháng 5 năm 2020 đã nộp về Sở Kế hoạch đầu tư.	thay đổi theo thực tế
3. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 26/5/2020 đã nộp về Sở Kế hoạch đầu tư.	3. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 28/4/2021 đã nộp về Sở Kế hoạch Đầu tư.	thay đổi theo thực tế

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Việt



Số: 08/Ttr – HĐQT

TỜ TRÌNH SỐ 08

V/v: Thông qua việc sửa đổi Quy chế Quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua;

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Quy chế Quản trị Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật, các yêu cầu quản trị và điều hành. Vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi Quy chế Quản trị Công ty như sau:

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
Căn cứ	Căn cứ
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;	- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.	- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.	- Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
c. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;	c. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;	j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 6 Luật chứng khoán;
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông
1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp	1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp
a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
e. Quyền được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;	e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường
1. Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
	quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	3. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông
c. Cách thức bỏ phiếu	c. Cách thức bỏ phiếu
 Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
<p>4. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Công ty hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.</p>	<p>4. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông. Công ty hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định. Hình thức họp trực tuyến có thể được áp dụng khi cần thiết. Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử: Công ty cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.</p>
	Điều 9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử
	Cụ thể trong Quy chế
Điều 9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên
a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
Điều 13. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	Điều 14. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị
3. Hội đồng quản trị thông qua việc công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	3. Hội đồng quản trị thông qua việc công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới 5% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới 5% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
2. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể tham gia biểu quyết khi:	2. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể tham gia biểu quyết khi:
b. Tham dự bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác.	b. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
6. Quy định về tổ chức các cuộc họp tại công ty:	6. Quy định về tổ chức các cuộc họp tại công ty:
b. Họp giao ban:	b. Họp giao ban:
- Công ty sẽ họp giao ban: toàn công ty 6 tháng một lần vào ngày mùng 7 tháng thứ hai của quý sau liền kề; họp giao ban văn phòng công ty vào ngày mùng 6 hàng tháng (nếu trùng vào ngày chủ nhật hoặc ngày lễ sẽ lùi vào ngày tiếp theo).	- Công ty tổ chức họp giao ban Văn phòng, định kỳ vào thứ 2 hàng tuần. Chủ trì cuộc họp là Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền.
- Chủ trì cuộc họp giao ban toàn Công ty là một thành viên HĐQT.	- Vì lý do bất khả kháng không tổ chức họp giao ban, Tổng Giám đốc sẽ ủy quyền cho Phòng Tổ chức Hành chính thông báo đến thành viên dự họp.
- Chủ trì cuộc họp giao ban Văn phòng Công ty là một thành viên Ban Tổng Giám đốc.	- Chủ tịch HĐQT hoặc Ban Tổng Giám đốc có thể triệu tập các cuộc họp đột xuất để giải quyết công việc phát sinh trong quá trình hoạt động.
Điều 21. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 22. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
1. Hội đồng quản trị công ty có thể thành lập các tiểu ban Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.	1. Hội đồng quản trị công ty có thể thành lập các tiểu ban
Điều 22. Số lượng, tiêu chuẩn Thành viên Ban Kiểm soát	Điều 23. Số lượng, tiêu chuẩn Thành viên Ban Kiểm soát
2. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:	2. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
	b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;	c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
Điều 27. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành	Điều 28. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành
a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.	a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc	Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc
2. Tổng Giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.	2. Tổng Giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật doanh nghiệp.
Điều 29. Quyền và nhiệm vụ của các chức danh:	Điều 30. Quyền và nhiệm vụ của các chức danh:
1. Tổng Giám đốc.	1. Tổng Giám đốc.
- Trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất của các phân xưởng, phòng Kế hoạch sản xuất. Được uỷ quyền của chủ tài khoản quan hệ với các ngân hàng.	- Được uỷ quyền của chủ tài khoản quan hệ với các ngân hàng.
Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp	Điều 31. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do DHD nắm quyền kiểm soát	3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do HDPHARMA nắm quyền kiểm soát
Điều 32. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	Điều 33. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
<p>2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;</p> <p>b. Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>
<p>4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau:</p>	<p>4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau:</p>
<p>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.</p>
<p>Điều 35. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty</p>	<p>Điều 36. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty</p>
<p>1. Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>1. Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 41. Xử lý vi phạm</p>	<p>Điều 42. Xử lý vi phạm</p>
<p>Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với các hành vi vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng, Nghị định số 145/2016/NĐ-CP</p>	<p>Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành.	
Điều 43. Ngày hiệu lực	Điều 44. Ngày hiệu lực
1. Quy chế này gồm XI chương, 43 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương thống nhất thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	1. Quy chế này gồm XI chương, 44 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương thống nhất thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Căn cứ:	Căn cứ:
Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 ;	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;	Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
Điều 4. Đại hội đồng cổ đông	Điều 4. Đại hội đồng cổ đông

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>
<p>Điều 5. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 5. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 phụ lục này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 phụ lục này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>
<p>4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>
<p>Điều 7. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>	

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
1. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ c. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty;	c. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông;
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông
b) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	b) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là 21 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông	Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông
1. Khi đến tham dự cuộc họp ...	1. Khi đến tham dự cuộc họp ...
	Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.
Điều 10. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 10. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
2. Cách thức kiểm phiếu:	2. Cách thức kiểm phiếu:
- Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông.	- Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp
Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
<p>1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây ...</p>	<p>1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây</p>
<p>Điều 14. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 14. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>
<p>2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p>	<p>2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p>
<p>a) <u>Chuẩn bị tài liệu:</u></p>	<p>a) <u>Chuẩn bị tài liệu:</u></p>
<p>+ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>+ Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>
<p>d) <u>Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông</u></p>	<p>d) <u>Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông</u></p>
<p>Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p>	<p>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p>
<p>e) <u>Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu</u></p>	

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
❖ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.	❖ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.
❖ Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	❖ Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
+ Các vấn đề đã được thông qua;	đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.	+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
g) <u>Thông báo kết quả kiểm phiếu</u>	a) <u>Thông báo kết quả kiểm phiếu và Nghị quyết</u>
Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;	6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Căn cứ:	Căn cứ:
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
<p>- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</p>	<p>Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.</p>	<p>- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.</p>
<p>Điều 1. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 1. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị</p>
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều 12 Quy chế Quản trị Công ty.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 12 Quy chế Quản trị Công ty.</p>
<p>Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</p>
<p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p>
	<p>- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên, từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai(02) ứng cử viên, từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba(03) ứng cử viên, từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên, từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm(05) ứng cử viên, từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên, từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy(07) ứng cử viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử</p>

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
	tối đa tám (08) ứng viên.
	- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị
.... Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.	... Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Căn cứ:	Căn cứ:
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.	- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
Điều 7. Cách thức biểu quyết	Điều 7. Cách thức biểu quyết
1. Các thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:	1. Các thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:
c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;	c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	5. ...Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 16 Điều 27, Điều lệ Công ty.
PHỤ LỤC 4: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 4: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Căn cứ:	Căn cứ:
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với	Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
công ty đại chúng;	
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.	- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.
Điều 3. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 3. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
1. Để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc theo quy định Điều 28 Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.	1. Để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc theo quy định Điều 28 Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban.
3.2. Hội đồng Khoa học kỹ thuật	3.2. Hội đồng Khoa học kỹ thuật
3.2.1. Thành phần:	3.2.1. Thành phần:
- Gồm Tổng giám đốc (Chủ tịch hội đồng), Ban Giám đốc (Phó Chủ tịch hội đồng), GD Chi nhánh, Trưởng phòng Nghiên cứu Phát triển, Kỹ thuật cơ điện, Kế toán Tài vụ, Kế hoạch Sản xuất, Kinh doanh, Tổ chức, Quản đốc phân xưởng.	- Gồm Chủ tịch HĐQT (Chủ tịch hội đồng), Tổng Giám đốc (Phó Chủ tịch hội đồng), Ban Giám đốc, Trưởng phòng Nghiên cứu Phát triển (thư ký), Kiểm tra chất lượng, Đảm bảo chất lượng, Kỹ thuật cơ điện, Kế toán Tài vụ, Tổ chức Hành chính, Thanh tra.
3.4. Hội đồng thanh lý (HĐTL)	3.4. Hội đồng thanh lý (HĐTL)
3.4.1. Thành phần:	3.4.1. Thành phần:
- Tài sản: thành phần gồm đại diện BGD, phòng Kế hoạch, Phòng Kế toán, Phòng Cơ điện, Phòng TCHC, Ban Thanh tra.	- Tài sản: thành phần gồm đại diện BGD, Phòng Kế toán, Phòng TCHC, Ban Thanh tra, Trưởng đơn vị có liên quan.
- Hàng hoá: thành phần gồm đại diện BGD, Kế toán, Đảm bảo Chất lượng, Kiểm tra chất lượng, Phòng NVKD, Phòng KHSX.	- Hàng hoá: thành phần gồm đại diện BGD, Kế toán, Đảm bảo Chất lượng, Kiểm tra chất lượng, Phòng Cung ứng, Ban Kho vận và Thu tiền (đối với Khối Kinh doanh), Ban Quản lý Kho (đối với hàng hóa tại Nhà máy).
3.5. Hội đồng An toàn lao động (HĐATLĐ)	3.5. Hội đồng An toàn lao động (HĐATLĐ)
3.5.1 Thành phần:	3.5.1 Thành phần:

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
- Giám đốc chất lượng - Chủ tịch hội đồng, Ủy viên Ban thường vụ BCH Công đoàn cơ sở Công ty - Phó Chủ tịch hội đồng, Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ điện - uỷ viên thường trực, uỷ viên là Trưởng phòng: TCHC, Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch sản xuất, Cán bộ chuyên trách về ATVSLĐ, mạng lưới an toàn viên, vệ sinh viên, y tế, bảo vệ, hành chính.	- Giám đốc chất lượng - Chủ tịch hội đồng, Ủy viên Ban thường vụ BCH Công đoàn cơ sở Công ty - Phó Chủ tịch hội đồng, Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ điện - uỷ viên thường trực, uỷ viên là Trưởng phòng: TCHC, Đảm bảo chất lượng, Cung ứng, Cán bộ chuyên trách về ATVSLĐ, mạng lưới an toàn viên, vệ sinh viên, y tế, bảo vệ.
3.8. Hội đồng sản phẩm mới – sản phẩm gia công	3.8. Hội đồng sản phẩm mới – sản phẩm gia công
3.8.1 Thành phần:	3.8.1 Thành phần:
- Thành viên HĐQT, BGD, phòng NCPT, phòng ĐBCL, phòng KHSX, phòng NVKD, Phòng Kinh doanh 1, Phòng KTCL	- Thành viên HĐQT, BGD, phòng NCPT, phòng ĐBCL, Phòng KTCL.
3.10. Hội đồng triển khai thực hiện các dự án mới:	3.10. Hội đồng triển khai thực hiện các dự án mới:
3.10.1 Thành phần:	3.10.1 Thành phần:
- Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch Hội đồng;	- Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch Hội đồng;
- Thành viên thường trực gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các thành viên Ban giám đốc;	- Thành viên thường trực gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các thành viên Ban giám đốc;
- Các thành viên khác gồm: Kế toán trưởng, Trưởng ban Dự án, Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất, trưởng phòng Kỹ thuật cơ điện.	- Các thành viên khác gồm: Kế toán trưởng, Trưởng ban Dự án, Trưởng phòng Kỹ thuật cơ điện.
PHỤ LỤC 5: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	PHỤ LỤC 5: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Căn cứ:	Căn cứ:
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; 	<p>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; 	<p>Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.
<p>PHỤ LỤC 6: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</p>	<p>PHỤ LỤC 6: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</p>
<p>Căn cứ:</p>	<p>Căn cứ:</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; 	<p>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010; 	<p>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; 	<p>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; 	<p>Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
Điều 1. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành doanh nghiệp	Điều 1. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành doanh nghiệp
1. Người điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.	1. Người điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Tiêu chuẩn làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng thực hiện theo Điều 27 Quy chế quản trị công ty.	2. Tiêu chuẩn làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng thực hiện theo Điều 27 Quy chế quản trị công ty.
Điều 4. Bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp	Điều 4. Bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp
1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc	1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc
a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề cử tối đa 01 ứng viên vào vị trí Tổng giám đốc. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử chính mình vào vị trí Tổng giám đốc.	a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề cử tối đa 01 ứng viên vào vị trí Tổng giám đốc. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử chính mình vào vị trí Tổng giám đốc.
2. Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác	2. Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác
a. Tổng Giám đốc căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc đề cử Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.	a. Tổng Giám đốc căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc đề cử Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.
b. Hội đồng quản trị căn cứ vào đề xuất của Tổng giám đốc, xem xét và ra quyết định bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.	b. Hội đồng quản trị căn cứ vào đề xuất của Tổng giám đốc, xem xét và ra quyết định bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.
Điều 1. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	Điều 1. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp
1. Thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động:	1. Thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động:
Việc ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị thực hiện.	Việc ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị thực hiện.
Việc ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện.	Việc ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện.

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
Việc ký hợp đồng lao động với Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Tổng Giám đốc thực hiện.	Việc ký hợp đồng lao động với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Tổng Giám đốc thực hiện.
2. Các điều khoản trong hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác và người điều hành khác không được trái với quy định của pháp luật lao động.	2. Các điều khoản trong hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác không được trái với quy định của pháp luật lao động.
Điều 1. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp	Điều 1. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp
Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác và người điều hành khác sẽ bị miễn nhiệm:	Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác và người điều hành khác sẽ bị miễn nhiệm:
a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 27 Quy chế này;	a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 27 Quy chế này;
b. Có đơn từ chức;	b. Có đơn từ chức;
c. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác khi có lý do vì lợi ích của công ty tuy nhiên không được trái với các quy định trong hợp đồng lao động đã ký kết.	c. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác khi có lý do vì lợi ích của công ty tuy nhiên không được trái với các quy định trong hợp đồng lao động đã ký kết.
PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
Căn cứ:	Căn cứ:
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.	- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.
PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
Căn cứ:	Căn cứ:
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Quy định tại Quy chế Quản trị hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.	- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Việt

Số: 09/Ttr – HĐQT

TỜ TRÌNH SỐ 09**V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị như sau:

Theo quy định tại Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Hội đồng Quản trị công ty có trách nhiệm xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng Quản trị đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Nội dung toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị được công bố tại website theo địa chỉ: <https://www.hdpharma.vn/>

Các quy định của Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BGD, Thư ký Công ty;
- Lưu.

**Nguyễn Trung Việt**

Số: 10/Ttr – HĐQT

TỜ TRÌNH SỐ 10

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát như sau:

Theo quy định tại Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Ban Kiểm soát công ty có trách nhiệm xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Ban Kiểm soát đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Nội dung toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được công bố tại website theo địa chỉ: <https://www.hdpharma.vn/>

Các quy định của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu.



Phạm Thị Thủy

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

(Sửa đổi lần thứ 20)

Tháng 4 năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
<i>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</i>	6
1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:.....	6
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
<i>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</i>	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	8
<i>Điều 3. Ngành nghề kinh doanh và Mục tiêu hoạt động của Công ty</i>	8
<i>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....</i>	14
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	15
<i>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....</i>	15
<i>Điều 6. Cổ phiếu</i>	16
<i>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....</i>	17
<i>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.....</i>	17
<i>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</i>	17
<i>Điều 9. Thu hồi cổ phần.....</i>	18
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	19
<i>Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....</i>	19
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	20
<i>Điều 11. Quyền của cổ đông</i>	20
<i>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</i>	21
<i>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</i>	23

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	25
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	26
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây.....	32
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	35
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	36
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	36
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	36
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	38
Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	41
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	42
Điều 28. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	45
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	46
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý.....	46
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	46
Điều 32. Thư ký Công ty.....	47
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	48
Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát.....	48
Điều 34. Ban kiểm soát.....	51
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC.....	52
Điều 35. Trách nhiệm cẩn trọng:.....	52
Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	52
Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	53
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	54
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	54
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	55
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn.....	55

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	55
<i>Điều 40. Phân phối lợi nhuận</i>	<i>55</i>
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	56
<i>Điều 41. Tài khoản ngân hàng</i>	<i>56</i>
<i>Điều 42. Năm tài chính:</i>	<i>57</i>
<i>Điều 43. Chế độ kế toán.....</i>	<i>57</i>
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	57
<i>Điều 44. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý.....</i>	<i>57</i>
<i>Điều 45. Báo cáo thường niên.....</i>	<i>58</i>
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	58
<i>Điều 46. Kiểm toán</i>	<i>58</i>
XVII. CON DẤU	59
XVIII. GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP VÀ THANH LÝ	60
<i>Điều 48. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp.....</i>	<i>60</i>
<i>Điều 49. Gia hạn hoạt động</i>	<i>60</i>
<i>Điều 50. Thanh lý.....</i>	<i>61</i>
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	61
<i>Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ</i>	<i>61</i>
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	62
<i>Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</i>	<i>62</i>
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	62
<i>Điều 53. Ngày hiệu lực.....</i>	<i>62</i>

Phần mở đầu

1. Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số **59/2020/QH14 ngày 17/6/2020**;
- Các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan;
2. Quyết định số 2750/QĐ-UB ngày 18 tháng 06 năm 2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc cổ phần hóa Công ty Dược Vật tư Y tế Hải Dương và thành lập Ban đổi mới Công ty Dược Vật tư Y tế Hải Dương;
3. Căn cứ vào Bộ Luật Lao động của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
4. Căn cứ vào Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Căn cứ vào Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Chúng tôi, những cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương nhiệm kỳ 2019 - 2024 đã nhất trí thông qua nội dung bản điều lệ Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2021, cùng cam kết thực hiện theo Điều lệ Công ty gồm các điều khoản sau:

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ:

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán **hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần** và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;

b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 **được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.**

c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 **được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.**

d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;

e. “Chức vụ quản lý” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

f. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty.

g. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty.

h. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

i. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại **khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;**

j. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại **khoản 18 Điều 6 Luật chứng khoán;**

k. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

l. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

m. “Công ty” là Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế;

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

- Tên tiếng Anh: HAI DUONG PHARMACEUTICAL MEDICAL MATERIAL JOINT STOCK COMPANY.

- Tên giao dịch: HDPHARMA

- Tên viết tắt: HDPHARMA.,JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 0220.3853.848

- Fax: 0220.3853.848

- E-mail: info@hdpharma.vn

- Website: hdpharma.vn

4. Công ty có 2 người Đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Công ty có 06 chi nhánh trong tỉnh 01 chi nhánh tại Hà Nội, 01 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, 01 Chi nhánh tại Miền Trung.

- 06 chi nhánh trong tỉnh có trụ sở tại các huyện trong tỉnh.

- Chi nhánh Hà Nội: Lô 01-D6C, Khu Biệt thự Vườn Đào, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: Số 99, đường 101-TML, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh tại Miền Trung: Lô 9-C4, KDC Hòa Phát 4, phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm (kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh lần đầu 04/04/2003).

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

Điều 3. Ngành nghề kinh doanh và Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
2	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất vật tư Y tế, trang thiết bị y tế	3250
3	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe	1079
4	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
5	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
6	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, vật tư y tế, thiết bị y tế; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, vật tư y tế	4659
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

TT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp): hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, phục vụ công tác kiểm nghiệm, dùng cho bệnh viện; Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt	
9	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ tinh dầu, dược liệu, máy móc - thiết bị y tế, hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, phục vụ công tác kiểm nghiệm, hóa chất hàng cho bệnh viện; bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
10	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
11	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây gia vị, cây hương liệu hàng năm	0119
12	In ấn	1811
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe	7490
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua bán thuốc chữa bệnh, hoá mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất	4610
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê nhà làm văn phòng, địa điểm kinh doanh, cửa hàng, nhà kho, nhà ở, bến bãi	6810

TT	Tên ngành	Mã ngành
17	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
18	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp	9639
19	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
20	Sản xuất rượu vang	1102
21	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
22	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
23	Xây dựng nhà để ở	4101
24	Xây dựng nhà không để ở	4102
25	Lắp đặt hệ thống điện	4321
26	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
27	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: xây dựng nhà máy sản xuất thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh ...	4390
28	Bán buôn đồ uống Chi tiết: bán buôn rượu, bia, nước giải khát	4633
29	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ đồ uống, rượu, bia và đồ uống không chứa cồn.	4723
30	Quảng cáo	7310
31	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

TT	Tên ngành	Mã ngành
32	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
33	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
34	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
35	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc phục vụ trong y tế.	7730
36	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
37	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
38	Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	6312
39	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm bảo vệ sức khỏe.	4632
40	Đào tạo sơ cấp	8531
41	Đào tạo trung cấp	8532
42	Đào tạo cao đẳng	8533
43	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

TT	Tên ngành	Mã ngành
	chi tiết: Bảo hành, sửa chữa thiết bị tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	
44	Sửa chữa thiết bị liên lạc chi tiết: Bảo hành, sửa chữa điện thoại cố định; điện thoại di động; linh kiện và phụ kiện điện thoại; thẻ sim điện thoại (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	9512
45	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: bán lẻ thực phẩm bảo vệ sức khỏe	4722
46	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
47	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
48	Phá dỡ	4311
49	Chuẩn bị mặt bằng	4312
50	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
52	Giáo dục nhà trẻ	8511
53	Giáo dục mẫu giáo	8512
54	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ gạo, ngô trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
55	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ thuốc lá điếu sản xuất trong nước	4724
56	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

TT	Tên ngành	Mã ngành
57	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
58	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: bán lẻ trò chơi và đồ chơi được làm từ mọi chất liệu (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội).	4764
59	Hoạt động viễn thông khác chi tiết: Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet). Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet (trừ dịch vụ truy cập, truy nhập internet)	6190
60	Cung ứng và quản lý nguồn lao động chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7830
61	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên, nước hương liệu nguyên chất chưng cất, sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm; sản xuất nguyên liệu (thô, tinh khiết) để đưa vào thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh	2029
62	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ; bán lẻ thực phẩm bảo vệ sức khỏe.	4789
63	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
64	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

TT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Chế biến rong, tảo	
65	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Không ngừng phấn đấu cải thiện điều kiện làm việc và mức sống cho người lao động, tăng cổ tức cho cổ đông, giải quyết việc làm cho người lao động, từng bước xây dựng và phát triển Công ty lớn mạnh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong và ngoài nước.

4. Để ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty cần phải:

a. Chủ động đầu tư phát triển sản xuất – kinh doanh các loại sản phẩm mà Công ty đã đăng ký sản xuất – kinh doanh.

b. Chủ động lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn từ các nguồn (của Công ty, của cổ đông, vay hay thuê tài chính, hình thức khác) để đáp ứng đủ vốn theo phương án hay kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Chủ động liên doanh, liên kết hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ thương mại đối với bất kỳ tổ chức nào trong cả nước, với mục đích phát triển sản xuất, mở rộng thị trường theo các quy định của pháp luật.

d. Tự do tìm kiếm thị trường, tự lựa chọn khách hàng, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng kinh tế với các khách hàng trong và ngoài nước. Được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

e. Tuyển dụng và thuê lao động theo yêu cầu sản xuất – kinh doanh phù hợp với các quy định của pháp luật.

f. Quyết định sử dụng phần thu nhập còn lại sau khi đã hoàn thành các khoản đóng góp theo nghĩa vụ đối với Nhà nước.

g. Được phép mở rộng phạm vi sản xuất – kinh doanh theo quy định của pháp luật.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ, việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng Cổ đông thông qua vào từng thời điểm, được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được công bố theo quy định của pháp luật;

Vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo qui định của Luật Doanh nghiệp được chi tiết tại Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này.

3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Trong trường hợp đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phần của Công ty và/hoặc trái phiếu kèm theo các chứng quyền đặt mua cho phép người nắm chứng quyền được mua cổ phần của Công ty, tại thời điểm người nắm giữ các trái phiếu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo qui định của phương án phát hành đã được phê duyệt, vốn điều lệ của Công ty sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi và đặt mua và Công ty sẽ phát hành cho những người nắm giữ trái phiếu và/hoặc chứng quyền đã thực hiện quyền như trên một số cổ phần mới tương ứng theo qui định của phương án phát hành đã được phê duyệt.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại điều 11 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các

điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Việc giảm vốn Điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d. **Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;**
- e. Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);
- f. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- g. Các nội dung khác theo quy định tại các điều **116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.**

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của **Người đại diện theo Pháp luật** của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.

5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

9. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá lãi suất vay vốn lưu động của Công ty vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông theo Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp **và quy định khác của pháp luật có liên quan;**

d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ **sở hữu** cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

e. Xem xét, **tra cứu** và trích lục thông tin **về tên và địa chỉ liên lạc** trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác **của mình;**

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.

k. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

5. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng

quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

7. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định (**hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác**). Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

7. **Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền**

và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, **Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết**, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn **số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật**;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có đủ chữ ký của tối thiểu 1 cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý doanh nghiệp cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo **Điều 165** Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. (không bắt buộc)

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d. **Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;**
- e. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. **Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;**
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- l. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
- p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp

luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định cho cá nhân, tổ chức; việc chỉ định cá nhân, tổ chức trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định cá nhân, tổ chức đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của

họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại 0 và Điều 20 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c khoản 4 0 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội, chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

b. Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông **chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc** bằng phương thức đăng tải lên website công ty;

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán (Đối với Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử

(website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất **21** ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) hoặc gửi thư điện tử cho Trưởng nhóm cổ đông (Trưởng nhóm cổ đông là Người quản lý doanh nghiệp: Trưởng, phó các phòng, ban, chi nhánh, phân xưởng, các bộ phận trong Công ty) biết cập nhật thông tin và Trưởng nhóm cổ đông điện thoại thông báo cho các cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để cổ đông có thể tiếp cận. **Hình thức họp trực tuyến có thể được áp dụng khi cần thiết.**

Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử: Công ty cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. **Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- c. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông;
- d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì **thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi** trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết .

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì **thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi** trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết trước giờ khai mạc theo chương trình.

Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo uỷ quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc **tổ chức, cá nhân** được uỷ quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết/ phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Cổ đông tiến hành biểu quyết bằng cách lựa chọn phương án tán thành/ không tán thành/ không có ý kiến với các nội dung biểu quyết ghi trên phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm phiếu, tổng hợp kết quả chi tiết từng nội dung biểu quyết trên

phiếu biểu quyết (tán thành/ không tán thành/ không có ý kiến). Kết quả kiểm phiếu phải công bố **ngay trước khi bế mạc cuộc họp**. Đại hội biểu quyết bằng hình thức giơ tay những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội trong trường hợp kịp thời gian theo chương trình đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa **hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác** làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp **tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:**

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc **tổ chức, cá nhân** được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh

mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc **tổ chức, cá nhân** được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc **tổ chức, cá nhân** nêu trên tham gia Đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”).
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 Điều này, nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

- a. Loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán;
- b. Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty;

c. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

d. Thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh.

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, hoặc trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Bầu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo nguyên tắc dồn phiếu, hoặc không bầu dồn phiếu Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Mọi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu xin ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến theo quy định của pháp luật nhưng các nội dung chủ yếu bao gồm:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức, giấy ủy quyền theo quy định của Điều lệ. Phiếu lấy ý kiến gửi

về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín trong trường hợp cổ đông sử dụng hình thức gửi bưu điện và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử hoặc gửi trực tiếp cho các Trưởng nhóm cổ đông.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu bằng phương thức thư điện tử gửi các trưởng nhóm cổ đông. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu

quyết chấp thuận, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Việc gửi biên bản Đại hội đồng cổ đông có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản

phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Tổng Giám đốc, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp này và Điều lệ công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 15 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị

3. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu

làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên, từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên, từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên, từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên, từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên, từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên, từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

c. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

d. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên

có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

5. Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc, các chức vụ quản lý và Người quản lý doanh nghiệp khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các chức vụ Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người quản lý doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người quản lý doanh nghiệp đó;
- f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong đại hội đồng cổ đông sẽ được tổ chức thời điểm gần nhất;
- k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức.
- l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
- m. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
- n. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- o. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;
- p. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại **Điều 138, Điều 148, Điều 167** Luật Doanh phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những Người quản lý doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Người quản lý doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội

đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ là 3% lợi nhuận sau thuế. HĐQT sẽ quyết định mức thù lao cho từng thành viên HĐQT trên cơ sở thỏa thuận với các thành viên HĐQT về nghĩa vụ và quyền lợi của từng thành viên.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập, **chủ trì** và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền và đã thông báo cho Hội đồng quản trị. **Trường hợp Chủ tịch không uỷ quyền cho Phó Chủ tịch hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch**

Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý doanh nghiệp khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng Quản trị được tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày qua phương thức thư điện tử và điện thoại cho các thành viên trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

9. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng,

giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

10. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

13. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp

Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, **trừ trường hợp quy định tại khoản 16 Điều này.**

14. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

15. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

16. **Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.**

Điều 28. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THU KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng, có thể có thêm các chức danh Phó Tổng giám đốc. Các chức danh này là các chức vụ quản lý Công ty. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Người quản lý doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người quản lý doanh nghiệp cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người quản lý doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người quản lý doanh nghiệp khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết, **quyết định** của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ

chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại Người quản lý doanh nghiệp mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý doanh nghiệp;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, thù lao, các lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba trở lên thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 32. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng

quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải là ba (03) thành viên. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- b. **Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;**
- c. Không phải là **người có quan hệ gia đình** của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.
- e. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- f. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên là Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Người quản lý doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

3. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Ban kiểm soát của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên, từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên, từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên, từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên, từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên, từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên, từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

c. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

d. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- g. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- h. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- i. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- j. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng (06) không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- k. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý. **Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.**

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu

là hai (02) người. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Thành viên Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

4. Thành viên Ban kiểm soát được nhận thù lao công việc của mình dưới tư cách là thành viên Ban kiểm soát. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát là 1% lợi nhuận sau thuế. Ban kiểm soát sẽ quyết định mức thù lao của từng thành viên Ban kiểm soát trên cơ sở về nghĩa vụ và quyền lợi của từng thành viên. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 35. Trách nhiệm cẩn trọng:

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh

nghiệp khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người quản lý doanh nghiệp hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người quản lý doanh nghiệp hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện giao dịch có liên quan.

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và chức vụ quản lý, Người quản lý doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn

cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực cẩn trọng và mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của công ty, thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Người quản lý doanh nghiệp, nhân viên hoặc là người đại diện theo uỷ quyền của công ty được công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 24 và khoản 3 Điều 33 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ

đồng phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người quản lý doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 40. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo quy định của Pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hàng năm Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị mức trích lập các quỹ và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 43. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài nếu cần. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này, và trong thời theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với Công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với Công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm cả ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý (đối với Công ty niêm yết/ đại chúng quy mô lớn) của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 45. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các

thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 47. Quy định về con dấu Công ty và lưu giữ tài liệu của Công ty

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

a. Khi có sự thay đổi về con dấu, Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b. Con dấu công ty được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ, kích cỡ của con dấu là 36mm. Nội dung con dấu Công ty thể hiện những thông tin sau đây: a) Tên doanh nghiệp; b) Mã số doanh nghiệp c) Tên tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở (tỉnh Hải Dương).

c. Công ty chỉ có một con dấu doanh nghiệp.

d. Sau khi khắc con dấu, Công ty thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Công ty chỉ được sử dụng con dấu sau khi mẫu con dấu được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật về việc sử dụng dấu.

e. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu giao cho người đại diện theo pháp luật của công ty.

f. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.

g. Tranh chấp về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu doanh nghiệp được giải quyết tại Tòa án hoặc trọng tài.

2. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty gồm:

a. Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Sổ đăng ký cổ đông, **Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.**

b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.

c. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty.

d. Các tài liệu và giấy tờ liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

e. Biên bản Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp HĐQT; các quyết định đã được thông qua.

f. Báo cáo Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.

g. Sổ sách kế toán, các chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.

h. Các tài liệu liên quan đến người lao động đang làm việc tại công ty: BHXH, hợp đồng lao động.

Lưu giữ các tài liệu trên ở trụ sở chính của Công ty, thời hạn lưu giữ theo quy định của Pháp luật.

XVIII. GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP VÀ THANH LÝ

Điều 48. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

3. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 49. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 50. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính. Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định tại **Điều 208** Luật doanh nghiệp và quy định của Pháp luật.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại đồng hội cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 53. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 53 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương nhất trí thông qua theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021. Điều lệ được ban hành theo quy định của Pháp luật.

2. Điều lệ này thay thế Điều lệ đã ban hành ngày 26 tháng 5 năm 2020 đã nộp về Sở Kế hoạch đầu tư.

3. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 28/4/2021 đã nộp về Sở Kế hoạch Đầu tư.

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

Hải Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2021

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

PHỤ LỤC 01

CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY

1. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty

STT	Tháng	Vốn điều lệ	Ghi chú
1	04/2003	10.260.000.000	Cổ phần hóa
2	11/2010	30.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, phát hành cho CBNV, Phát hành cho cổ đông chiến lược

3	10/2016	60.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức năm 2016
4	10/2019	80.000.000.000	Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi năm 2018 thành cổ phiếu.
5	05/2020	99.999.450.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức năm 2019

2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông Sáng lập vào ngày thành lập Công ty

TT	Tên Tổ chức/Cá nhân	Địa chỉ thường trú	Số CMT/HC-ĐKKD	Số vốn góp (1.000 VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	TRẦN VĂN OANH	Số 7, phố Nguyễn Trãi, P. Sao Đỏ, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	141943915	80.000	0,78
2	LÊ VĂN HÒA	Tập thể Công ty Dược VTYT Hải Dương, đường An Thái, P. Bình Hàn, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	140040346	80.000	0,78
3	ĐẶNG VĂN TỬ	Số 87, Phố Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, TP.Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	140014673	80.000	0,78
4	NGUYỄN XUÂN TRANG	Số 15 Mạc Đĩnh Chi, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	142350277	80.000	0,78
5	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	Số nhà 32, phố Ga, P. Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương,	142490544	80.000	0,78

TT	Tên Tổ chức/Cá nhân	Địa chỉ thường trú	Số CMT/HC-ĐKKD	Số vốn góp (1.000 VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
		Việt Nam.			
6	NGUYỄN VĂN TÚC	Số nhà 140, Đại lộ Trần Hưng Đạo, P. Ngọc Châu, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	140218516	50.000	0,49
7	VƯƠNG THỊ MÍCH	Số nhà 17/4, phố Chi Lăng, P. Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	141412542	50.000	0,49
8	CHU VĂN LONG	Tập thể Công ty Dược VTYT Hải Dương, đường An Thái, P. Bình Hàn, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	142225206	50.000	0,49
TỔNG CỘNG				550.000	5,37

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Hải Dương, tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh:	6
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	6
Điều 3. Điều lệ công ty.....	7
Điều 4. Quy chế quản trị công ty.....	7
CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	8
Điều 5. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	8
CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG	8
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 7. Trách nhiệm của cổ đông lớn.....	9
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.....	10
Điều 9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	14
Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	15
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 11. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	15
Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 13. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị.....	16
Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	17
Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	17
Điều 16. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền	18
Điều 17. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	19
Điều 19. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 20. Thư ký công ty.....	21
Điều 21. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	22
CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT	22
Điều 22. Số lượng, tiêu chuẩn Thành viên Ban Kiểm soát	22
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát.....	23

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	23
Điều 25. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	23
Điều 26. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của Ban kiểm soát	24
CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH	24
Điều 27. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành.....	24
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc	25
Điều 29. Quyền và nhiệm vụ của các chức danh:	25
CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	28
Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp	28
Điều 31. Giao dịch với người có liên quan	29
Điều 32. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này.....	29
Điều 33. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty	31
CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	31
Điều 34. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	31
Điều 35. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	31
Điều 36. Công bố thông tin về quản trị công ty	32
Điều 37. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc	32
Điều 38. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc	32
Điều 39. Tổ chức công bố thông tin	32
CHƯƠNG X: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	33
Điều 40. Giám sát về quản trị công ty	33
Điều 41. Xử lý vi phạm.....	33
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	33
Điều 42. Sửa đổi bổ sung	33
Điều 43. Ngày hiệu lực	33
PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	35
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	35
Điều 2. Đối tượng áp dụng	36

Điều 3.	Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	36
Điều 4.	Đại hội đồng cổ đông.....	36
Điều 5.	Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	37
Điều 6.	Nhiệm vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông	38
Điều 7.	Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông	38
Điều 8.	Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	40
Điều 9.	Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông.....	40
Điều 10.	Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	41
Điều 11.	Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông.....	41
Điều 12.	Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	42
Điều 13.	Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	42
Điều 14.	Thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	43
PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh	47
Điều 2.	Đối tượng áp dụng	47
Điều 3.	Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị	47
Điều 4.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	48
Điều 5.	Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	49
Điều 6.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	49
Điều 7.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	50
PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh	51
Điều 2.	Đối tượng áp dụng	51
Điều 3.	Quy định về cuộc họp đầu tiên.....	51
Điều 4.	Cuộc họp định kỳ và bất thường	52

Điều 5.	Thông báo họp Hội đồng quản trị	52
Điều 6.	Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	53
Điều 7.	Cách thức biểu quyết	53
Điều 8.	Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị	54
Điều 9.	Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị	54
Điều 10.	Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị	55
PHỤ LỤC 4: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
		56
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh	56
Điều 2.	Đối tượng áp dụng	56
Điều 3.	Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	56
PHỤ LỤC 5: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT		
		69
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh	69
Điều 2.	Đối tượng áp dụng	69
Điều 3.	Tiêu chuẩn Thành viên Ban kiểm soát	69
Điều 4.	Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát	70
Điều 5.	Cách thức bầu Thành viên Ban kiểm soát	70
Điều 6.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát	70
Điều 7.	Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát	71
PHỤ LỤC 6: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP		
		72
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh	72
Điều 2.	Đối tượng áp dụng	72
Điều 3.	Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành doanh nghiệp	72
Điều 4.	Bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp	73
Điều 5.	Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	73
Điều 6.	Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp	73
Điều 7.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp	74
PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH		
		75
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh	75

Điều 2.	Đối tượng áp dụng	75
Điều 3.	Nguyên tắc phối hợp	75
Điều 4.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành	76
Điều 5.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	76
Điều 6.	Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành	77
PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh	78
Điều 2.	Đối tượng áp dụng	78
Điều 3.	Phạm vi điều chỉnh	79
Điều 4.	Đối tượng áp dụng	79
Điều 5.	Đánh giá hoạt động	79
Điều 6.	Khen thưởng	79
Điều 7.	Xử lý vi phạm và kỷ luật	80

CĂN CỨ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- **Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;**
- **Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.**
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương,

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh:

1. Quy chế quản trị công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Cán bộ quản lý, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng mong đợi của cổ đông.
2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông và các thành viên không phải là cổ đông song có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:
 - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người có liên quan;
 - Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Minh bạch trong hoạt động của công ty;
 - b. "Công ty" là Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng **và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.**

- d. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty.
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - f. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 6 Luật chứng khoán;
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Điều lệ công ty

- 1. Điều lệ công ty không được trái với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
- 2. Công ty tham chiếu Điều lệ mẫu để xây dựng Điều lệ công ty.

Điều 4. Quy chế quản trị công ty

- 1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị công ty. Quy chế quản trị công ty không được trái với quy định pháp luật và điều lệ Công ty. Quy chế quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Quy chế quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (*Phụ lục 1 đính kèm*);
 - b. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (*Phụ lục 2 đính kèm*);
 - c. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (*Phụ lục 3 đính kèm*);
 - d. Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. (*Phụ lục 4 đính kèm*);
 - e. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát (*Phụ lục 5 đính kèm*);
 - f. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Ban Giám đốc (*Phụ lục 6 đính kèm*);
 - g. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc; (*Phụ lục 7 đính kèm*);
 - h. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác; (*Phụ lục 8 đính kèm*);

2. Ngoài ra, Quy chế quản trị công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ Công ty; các quy chế, quy trình quản trị nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 5. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý sau:

1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị giám sát và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty trong việc quản lý và điều hành công ty.

4. Tổng giám đốc công ty

Tổng giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 11, Điều 12 Điều lệ công ty, đặc biệt là:

- a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, **trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan**, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;
- d. Quyền tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông theo Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ **sở hữu** cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
- f. Nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- g. Nghĩa vụ cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
- h. Nghĩa vụ bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.**

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm của cổ đông lớn

- 1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.
- 2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. **Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.**

Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.

3. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:

a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông; Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.

b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

c. Cách thức bỏ phiếu

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

Ngoài phương thức bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông, Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

d. Cách thức kiểm phiếu.

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết/ phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Cổ đông tiến hành biểu quyết bằng cách lựa chọn phương án tán thành/ không tán thành/ không có ý kiến với các nội dung biểu quyết ghi trên phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu đặt tại phòng họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm phiếu, tổng hợp kết quả chi tiết từng nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết (tán thành/ không tán thành/ không có ý kiến).

Đại hội biểu quyết bằng hình thức giơ tay những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;

e. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

f. Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

g. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

h. Thông báo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ra công chúng:

Việc thông báo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ra công chúng tuân thủ quy định Công bố thông tin của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Xác định thời gian và địa điểm tổ chức

Đại hội. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông. Công ty hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.

Hình thức họp trực tuyến có thể được áp dụng khi cần thiết. Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử: Công ty cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo uỷ quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.

5. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Hàng năm công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

7. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập: Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

8. Công ty quy định trong Điều lệ công ty các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian họp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 Quy chế này.

b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức

đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty .

6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu

a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, "Không tán thành", “Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 Quy chế này.

b. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty

8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 20 Điều lệ Công ty.

9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 Quy chế này.

11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và có hiệu lực theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

12. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại **Điều 163** Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
6. Kết quả giám sát đối với người điều hành doanh nghiệp khác;
7. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 24 Điều lệ công ty.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.
3. Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty

- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị không được là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc các chức danh quản lý khác tại các Công ty trong ngành dược khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 14. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
3. Hội đồng quản trị thông qua việc công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại **Khoản 1 Điều 167** Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp;
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của Hội đồng quản trị; điều khiển Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình;
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc, Ban kiểm soát hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị; nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới 5% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
8. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
9. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền và đã thông báo cho Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình mà Chủ tịch không ủy quyền cho Phó Chủ tịch, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 17. Người được Hội đồng quản trị ủy quyền

1. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Người được Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.
 - b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.
 - c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền.

d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;

d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể tham gia biểu quyết khi:

a. Có mặt tại cuộc họp.

b. **Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.**

- c. Vắng mặt nhưng phiếu biểu quyết đựng trong phong bì dán kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc, và phong bì đựng phiếu biểu quyết của thành viên đó được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Một thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Hội đồng quản trị cho một người khác nếu sự ủy quyền đó nhận được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội đồng quản trị.
 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị quyết định những vấn đề sau đây cần sự có mặt trực tiếp của các thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Phê chuẩn kế hoạch chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.
 - b. Bầu chọn Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - c. Bãi nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.
 - d. Tái tổ chức hoặc giải thể công ty.
 - e. Tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu.
 5. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và Chủ tịch Hội đồng quản trị phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 6. Quy định về tổ chức các cuộc họp tại công ty:
 - a. Hội đồng quản trị: Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo điều lệ quy định. HĐQT họp để xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, hoặc theo yêu cầu công việc, họp với các bộ phận theo chuyên đề.
 - b. Họp giao ban, họp đột xuất:
 - Công ty tổ chức họp giao ban Văn phòng, định kỳ vào thứ 2 hàng tuần. Chủ trì cuộc họp là Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền.
 - Vì lý do bất khả kháng không tổ chức họp giao ban, Tổng Giám đốc sẽ ủy quyền cho Phòng Tổ chức Hành chính thông báo đến thành viên dự họp.
 - Chủ tịch HĐQT hoặc Ban Tổng Giám đốc có thể triệu tập các cuộc họp đột xuất để giải quyết công việc phát sinh trong quá trình hoạt động.
 - c. Quy trình tổ chức họp:

Hội đồng quản trị quy định về tổ chức các buổi họp trong công ty theo quy trình sau:

 - Cán bộ được lãnh đạo phân công tổ chức họp chuẩn bị nội dung, phân công nhiệm vụ, thời gian, thành phần họp gửi ngay qua email đến các thành phần dự họp.

+ Các thành phần dự họp nghiên cứu nội dung, soạn các ý kiến đóng góp của mình gửi lại cho người chịu trách nhiệm tổ chức họp qua email.

+ Người chịu trách nhiệm tổ chức họp tập hợp ý kiến của các thành phần dự họp gửi email cho chủ toạ và các thành phần dự họp nghiên cứu (thời hạn là trước khi cuộc họp diễn ra ít nhất 60 phút).

- Người chịu trách nhiệm tổ chức họp báo bộ phận hành chính về nội dung, thành phần, thời gian họp để hành chính chuẩn bị.
- Các thành phần dự họp có mặt trước thời điểm họp ít nhất 05 phút, mang theo sổ, bút, tự in tài liệu họp cho mình, ý kiến dự định phát biểu.

Trong cuộc họp chỉ thảo luận các nội dung cần giải quyết, không đọc lại các nội dung đã gửi email cho thành phần dự họp.

- Người chịu trách nhiệm tổ chức họp ghi nghị quyết cuộc họp, kết luận của chủ toạ phân công nhiệm vụ cho các cá nhân và thời hạn hoàn thành, soạn thảo bản mềm nghị quyết cuộc họp gửi email cho các thành phần và chủ toạ sau khi kết thúc họp chậm nhất là 24 giờ;

Người chịu trách nhiệm tổ chức họp đôn đốc cá nhân được phân công nhiệm vụ hoàn thành đúng thời hạn quy định và báo cáo trực tiếp với chủ toạ về kết quả thực hiện nghị quyết cuộc họp.

Điều 20. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả các chi phí cần thiết có liên quan đến quản lý của Công ty; được hưởng thù lao và tiền thưởng. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cụ thể thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.
2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty và các công ty con thì thù lao được công bố bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
3. Các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

Điều 21. Thư ký công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị có thể chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký công ty.

2. Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị công ty có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng.
2. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.
3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban.
4. Hội đồng quản trị thành lập các hội đồng để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT

Điều 23. Số lượng, tiêu chuẩn Thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải là ba (03) thành viên.
2. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.
 - e. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - f. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Thành viên Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.

2. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

3. Ban kiểm soát có quyền đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

4. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 26. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên

vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Thành viên Ban Kiểm soát.

2. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

Điều 27. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

4. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty và cho các cổ đông.

CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 28. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành

1. Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc phải có điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

3. Kế toán trưởng của Công ty phải có điều kiện và tiêu chuẩn sau:

- a. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
- b. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
- c. Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.

Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy chuẩn công việc trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc (Giám đốc) có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty.
2. Tổng Giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật doanh nghiệp.
3. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc của Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.
4. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Quyền và nhiệm vụ của các chức danh

Thực hiện theo quy chuẩn công việc công ty đã ban hành.

1. Tổng Giám đốc

- Thực hiện quyền và nhiệm vụ theo Pháp luật và điều 30 Điều lệ công ty quy định. Thực hiện các nghị quyết HĐQT, điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.
- Bảo tồn và phát triển các nguồn vốn của công ty. Đảm bảo thu nhập cho người lao động, cổ tức cho các cổ đông theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các nghĩa vụ Thuế với Nhà nước.

- Lập kế hoạch và phương án SXKD trình HĐQT thông qua, sử dụng bộ máy điều hành giúp việc, kết hợp ý kiến của các hội đồng tham vấn, xem xét những đề xuất và ra quyết định thực hiện.

- Xử lý kỷ luật lao động vi phạm kỷ luật, nội quy, quy chế làm việc của công ty; Khen thưởng kịp thời những lao động dưới quyền khi họ có thành tích đóng góp tạo năng suất hiệu quả trong SXKD dưới các hình thức: tuyên dương, khen thưởng, động viên bằng vật chất. Thực hiện quy chế khen thưởng, kỷ luật của công ty đã ban hành.

- Ký các hợp đồng với các đơn vị, cá nhân, người lao động theo yêu cầu của SXKD, ký duyệt các đề nghị, chứng từ phát sinh khâu sản xuất và văn phòng theo dự toán ngân sách đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt. Trong các trường hợp cụ thể có thể uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Tổng Giám đốc hoặc các Giám đốc Chi nhánh, sự uỷ quyền phải tuân theo pháp luật.

- Được uỷ quyền của chủ tài khoản quan hệ với các ngân hàng.

2. Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc của Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, uỷ quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, uỷ quyền.

3. Giám đốc

Giúp việc Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, uỷ quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, uỷ quyền.

4. Kế toán trưởng

- Chịu trách nhiệm quản lý công tác đầu tư của công ty trên các lĩnh vực SXKD, xây dựng... sử dụng hiệu quả, an toàn: toàn bộ tài sản, nguồn vốn, các nguồn, quỹ của công ty đúng Pháp Luật, chế độ tài chính, chế độ kế toán của nhà nước, thực hiện điều lệ, quy chế quản lý tài chính của công ty, đảm bảo nguyên tắc tự chủ về tài chính. Hàng năm xây dựng ngân sách tài chính và chịu trách nhiệm kiểm tra toàn bộ các khoản chi theo đúng ngân sách tài chính đã được HĐQT phê duyệt.

- Yêu cầu các đơn vị, chi nhánh trong công ty lập chứng từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách chính xác và luân chuyển tới bộ phận kế toán kịp thời. Ký duyệt chứng từ, kiểm tra tất cả các hợp đồng kinh tế đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ, đúng

với nghiệp vụ kinh tế phát sinh, yêu cầu các bộ phận lập hợp đồng kinh tế chỉnh sửa cho chặt chẽ trước khi trình Tổng giám đốc ký.

- Thi hành chế độ hạch toán, kê khai thuế theo quy định của Nhà nước trong toàn công ty; đề xuất những phương án quản lý tài chính trong việc mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ SXKD; chế độ sử dụng phí; chiết khấu hoa hồng, khuyến mại; các chính sách khoán thưởng, phạt theo doanh số, kết quả kinh doanh; biện pháp thu hồi công nợ và các chế độ kinh tế tài chính khác giúp Tổng Giám đốc có những quyết định kịp thời, đúng chính sách quản lý kinh tế tài chính.

- Kiểm tra giám sát về công tác kế toán tài chính của công ty và các chi nhánh trực thuộc.

- Tổ chức thống kê, phân tích những số liệu kinh tế tài chính, phản ánh kịp thời tiến độ SXKD của công ty, giúp HĐQT, Ban giám đốc nắm bắt và xử lý kịp thời. Có trách nhiệm cung cấp cho những cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

- Kế toán trưởng công ty, tổ trưởng kế toán các chi nhánh trực thuộc có trách nhiệm giúp Tổng Giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo thống nhất công tác kế toán đồng thời có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát kinh tế tài chính, phát hiện, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật Thuế và chính sách quản lý tài chính.

- Thực hiện các nhiệm vụ được lãnh đạo công ty phân công. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về mọi hoạt động của Phòng Kế toán Tài vụ và các Tổ kế toán Chi nhánh trực thuộc.

5. Giám đốc Chi nhánh

- Điều hành hoạt động kinh doanh của Chi nhánh, quản lý và sử dụng hiệu quả toàn bộ tài sản, nguồn vốn, lao động của Chi nhánh theo đúng Pháp luật, chế độ Nhà nước, điều lệ và quyết định của HĐQT, BGD. Thường xuyên báo cáo Tổng Giám đốc tình hình mọi mặt hoạt động của Chi nhánh. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật, HĐQT, BGD về các hoạt động của Chi nhánh.

- Bảo toàn và phát triển các nguồn vốn của chi nhánh. Đảm bảo thu nhập cho người lao động, không thấp hơn mức thu nhập theo quy định của Nhà nước. Thực hiện các nhiệm vụ được lãnh đạo công ty phân công.

- Được ký kết các hợp đồng dịch vụ điện thoại, điện, nước, hợp đồng đại lý.

- Quản lý tổ kế toán thực hiện hạch toán kế toán nội bộ, lập báo cáo tài chính, thuế nộp về Phòng Kế toán công ty theo Pháp luật, Chế độ tài chính kế toán, quy chế quản lý tài chính và hướng dẫn của Kế toán trưởng.

6. Các Trưởng phòng/Trưởng Ban

- Chịu trách nhiệm trước HĐQT, BGD về mọi hoạt động của phòng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy trình, quy chuẩn công việc và các nhiệm vụ được HĐQT, BGD phân công. HĐQT, BGD tạo điều kiện tối đa để các Trưởng phòng phát huy tính sáng tạo, chủ động trong công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

7. Các quản đốc Phân xưởng

- Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Giám đốc về hoạt động sản xuất của Phân xưởng. Quản lý thực hiện các công đoạn sản xuất theo đúng quy trình thao tác chuẩn GMP. Thực hiện các nhiệm vụ được lãnh đạo công ty phân công.

- Tổ chức sản xuất các sản phẩm đảm bảo chất lượng yêu cầu, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu tối đa hư hao nguyên vật liệu.

8. Phó trưởng phòng/Phó quản đốc/Phó ban

- Là cán bộ giúp việc cấp trưởng, thực hiện các nội dung Trưởng đơn vị phân công và được uỷ quyền thay thế khi trưởng đơn vị đi vắng.

9. Công nhân, nhân viên

- Thực hiện nhiệm vụ theo quy trình, quy chuẩn công việc, các nội quy, quy chế của công ty. Chịu sự phân công, điều hành, quản lý cấp trên.

CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 31. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do **HDPHARMA** nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 32. Giao dịch với người có liên quan

1. Thẩm quyền phê duyệt việc ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan được quy định tại Điều lệ Công ty và chi tiết tại Quy định phân cấp thẩm quyền tài chính của công ty.

2. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty.

4. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 33. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty là tổ chức tín dụng.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

a. Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b. Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a. Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;

b. Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau:

a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b. Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 34. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.
2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:
3. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;
4. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc.
5. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 35. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 36. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại **Điều 137** Luật Doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, công ty đại chúng phải báo cáo uỷ ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24h kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 37. Công bố thông tin về quản trị công ty

Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 38. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc

Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 39. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 30 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 40. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty có trách nhiệm sau:
 - a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG X: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 41. Giám sát về quản trị công ty

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát nội dung liên quan đến quản trị công ty của các công ty theo quy định của pháp luật.
2. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện quy định quản trị công ty quy định tại Quy chế này.
3. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Trường hợp công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan không tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều này bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 42. Xử lý vi phạm

Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 44. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm XI chương, 44 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương thống nhất thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được uỷ quyền.
3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

*(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2021
của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương)*

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thông tư **96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020** hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nội dung chính sau:

a. Đại hội đồng cổ đông và thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

b. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

+Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

+ Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

+Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

+Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

+Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;

+Xác định thời gian và địa điểm họp;

+Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;

+Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

c. Thể thức tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

+ Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- +Cách thức bỏ phiếu;
- +Cách thức kiểm phiếu;
- +Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- +Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- +Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- +Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- +Yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

d. Thẻ thức tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản

- +Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- +Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thực hiện, tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. **Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp**

Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
3. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b) Báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
 - c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này- trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - d) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Điều lệ công ty.
 - e) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty; Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
 - f) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Điều 5. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 4 phụ lục này.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 3 phụ lục này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 3 phụ lục này;

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 phụ lục này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định **Khoản 3 Điều 140** Luật Doanh nghiệp;

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định **Khoản 4 Điều 140** Luật Doanh nghiệp.

5. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 6. Nhiệm vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

1. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
2. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
3. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
4. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;
5. Xác định thời gian và địa điểm họp;
6. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;
7. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 7. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Quy định về việc triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 17 của Điều lệ Công ty, cụ thể trình tự các bước chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên như sau:

1. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ

a) Người triệu tập ĐHĐCĐ phải lên chương trình họp, ngày tổ chức ĐHĐCĐ, địa điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, các tài liệu theo quy định và các vấn đề khác phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Các vấn đề đưa vào chương trình

ĐHĐCĐ phải phù hợp với thẩm quyền ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến điểm (b) Khoản 1 Điều 6 Phụ lục này trong các trường hợp sau:

- + Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- + Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông;
- + Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua;
- + Các trường hợp khác theo qui định của Điều lệ công ty.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội

3. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a) Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ.

b) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công

ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi **chậm nhất là 21** ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

c) Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, công ty đại chúng có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- a. Gửi giấy đăng ký dự họp hoặc giấy ủy quyền về địa chỉ ghi trong thông báo.
- b. Liên lạc trực tiếp qua số điện thoại liên hệ ghi trong thông báo.
- c. Các hình thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, cổ đông gửi xác nhận tham dự, giấy ủy quyền (nếu có) tới Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

1. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông phải mang theo Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác và Thông báo mời họp.

Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.

2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ/phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ/giơ tay hoặc bỏ phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

2. Cách thức kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận kết quả;
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê.
- Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Ban Kiểm phiếu **công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.**

Điều 11. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
 4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 12. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) trong thời hạn 24 giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Trường hợp này Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

2. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 14. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Mọi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

a) Chuẩn bị tài liệu:

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- + Mục đích lấy ý kiến;
- + Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (10) ngày trước ngày gửi thư xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.

c) Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.

Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

d) Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

+ Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

e) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu

❖ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, **giám sát** của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.

❖ Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

+ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

+ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

+ Các vấn đề đã được thông qua **và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;**

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, **người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.**

❖ Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ Công ty phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g) Thông báo kết quả kiểm phiếu và Nghị quyết

Biên bản kiểm phiếu **và nghị quyết** phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu **và nghị quyết** có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

h) Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương)

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thông tư **96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020** hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
- Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.
- Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề cử, ứng cử bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo **Điều 155** Luật Doanh nghiệp và Điều 12 Quy chế Quản trị Công ty.

2. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 24 Điều lệ công ty.

Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu **từ 10% tổng** số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một(01) ứng cử viên, từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai(02) ứng viên, từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba(03) ứng viên, từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên, từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm(05) ứng viên, từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên, từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy(07) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 10 Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

- a) Cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường;
- b) Thông báo họp Hội đồng quản trị;
- c) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- d) Cách thức biểu quyết;
- đ) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e) Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
- f) Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Điều 3. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp

này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị

2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.

Điều 5. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) trở lên tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.

2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản 1 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc người đại diện nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.

Điều 7. Cách thức biểu quyết

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp khi được đa số các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc, và phong bì đựng phiếu biểu quyết của thành viên đó được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

2. Một thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Hội đồng quản trị cho một người khác nếu sự ủy quyền đó nhận được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị thảo luận những vấn đề sau đây cần sự có mặt trực tiếp của các thành viên Hội đồng quản trị:

f. Phê chuẩn kế hoạch chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

g. Bầu chọn Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h. Bãi nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

i. Tái tổ chức hoặc giải thể công ty.

j. Tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

5. Theo quy định tại Khoản 6 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

6. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

Điều 8. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
 4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung trong biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, **trừ trường hợp quy định tại khoản 16 Điều 27, Điều lệ Công ty.**
 6. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị
- Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 4: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

- a. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
- b. Cơ cấu của các tiểu ban;
- c. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban;
- d. Việc thành lập tiểu ban;
- e. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ về quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Điều 3. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc theo quy định Điều 28 Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban.

2. Hội đồng quản trị sẽ quy định cách thức thành lập, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng Tiểu ban, từng thành viên trong Tiểu ban thông qua quy chế nội bộ của Tiểu ban hoặc các quyết định thành lập tại từng thời điểm.

Các nhiệm vụ, quyền hạn của một Tiểu ban bất kỳ, nếu chưa được thành lập, sẽ là nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị cần thành lập các hội đồng để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm:

3.1. Hội đồng khen thưởng kỷ luật (HĐKTKL).

3.1.1. Thành phần:

- Thành phần gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị - chủ tịch HĐKTKL, Tổng giám đốc - Phó chủ tịch HĐKTKL, thành viên: đại diện Ban Giám đốc, đại diện Ban kiểm soát, đại diện BCH Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban Thanh tra, Phòng TCHC.

3.1.2. Nhiệm vụ:

- Hội đồng tham gia xem xét phân tích trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị ra quyết định những hình thức khen thưởng, Tổng Giám đốc quyết định những hình thức kỷ luật đối với lao động.

3.1.3. Quy chế hoạt động:

- Căn cứ vào văn bản quy định về việc đánh kết quả công tác và việc khen thưởng kỷ luật, căn cứ vào đề xuất của các phòng ban chức năng, căn cứ vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tháng 01 năm sau liền kề HĐKTKL sẽ tổng kết khen thưởng cho tập thể và cá nhân thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý, CBCNV có thành tích trong công tác.

- Khi phát sinh các sự việc sai phạm, không thực hiện đúng nội quy, quy định của Công ty, tùy theo mức độ HĐKTKL Công ty xem xét giải quyết theo trình tự pháp luật quy định.

3.2. Hội đồng Khoa học kỹ thuật

3.2.1. Thành phần:

- Gồm Chủ tịch HĐQT (Chủ tịch hội đồng), Tổng Giám đốc (Phó Chủ tịch hội đồng), Ban Giám đốc, Trưởng phòng Nghiên cứu Phát triển (thư ký), Kiểm tra chất lượng, Đảm bảo chất lượng, Kỹ thuật cơ điện, Kế toán Tài vụ, Tổ chức Hành chính, Thanh tra.

3.2.2. Nhiệm vụ:

- Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho HĐQT về những lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và chiến lược phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Xét và công nhận những đề tài nghiên cứu, những sáng kiến cải tiến.

3.2.3. Quy chế hoạt động:

- Tháng 01 hàng năm Trưởng phòng NCPT tập hợp đăng ký đề tài nghiên cứu, sáng kiến cải tiến của năm kế tiếp và lập kế hoạch tổng hợp báo Chủ tịch hội đồng, nội dung:

- + Tên đề tài;
- + Mục tiêu nghiên cứu;
- + Nội dung nghiên cứu;
- + Phương pháp nghiên cứu;
- + Thời gian, kế hoạch nghiên cứu;
- + Dự kiến kết quả nghiên cứu;
- + Dự toán kinh phí cho đề tài.

- Sau khi HĐKH nghiên cứu, tổng hợp kế hoạch trình HĐQT phê duyệt. Căn cứ kế hoạch được duyệt: Trưởng phòng NCPT hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện, cá nhân triển khai thực hiện đề tài; Kế toán trưởng lập dự toán ngân sách;

- Tháng 12 hàng năm Trưởng phòng NCPT: chuẩn bị hồ sơ tổ chức họp HĐKHKT đánh giá nghiệm thu các đề tài sáng kiến, ghi biên bản nội dung cuộc họp, ý kiến đóng góp, kết luận mức chi trả cho từng chủ đề tài sáng kiến và cộng sự.

3.3. Hội đồng kiểm kê.

3.3.1. Thành phần:

- Tại Văn phòng công ty, thành phần gồm: đại diện Ban Giám đốc, đại diện các Phòng: Kế toán, Kiểm tra chất lượng và đơn vị có tài sản hàng hoá.

- Tại các chi nhánh trực thuộc, thành phần gồm: đại diện lãnh đạo Chi nhánh, cán bộ Kế toán, cán bộ nghiệp vụ.

3.3.2. Nhiệm vụ:

- Hội đồng xác định giá trị hàng hoá tài sản trên thực tế đến kỳ báo cáo hoặc số lượng tài sản, hàng hoá đến một thời điểm xác định lại giá trị.

3.3.3 Quy chế hoạt động:

- Căn cứ vào số lượng, chất lượng thực tế của hàng hoá, NVL, tài sản của công ty, Hội đồng kiểm kê tiến hành kiểm đếm, thiết lập biên bản ghi rõ số lượng, chất lượng, phẩm chất, hạn dùng, tốc độ luân chuyển chuyên phòng Kế toán.

- Khi phát sinh tài sản tồn kho lâu ngày (tồn kho không phát sinh tăng giảm từ kỳ kiểm kê thứ hai trở lên), chậm luân chuyển, cận hạn, kém mất phẩm chất, giảm khả năng tiêu thụ, các sai lệch giữa thực tế và sổ sách Phòng Kế toán phải báo cáo ngay bằng văn bản tới HĐQT để có biện pháp xử lý.

3.4. Hội đồng thanh lý (HĐTL)

3.4.1. Thành phần:

- Tài sản: thành phần gồm đại diện BGD, Phòng Kế toán, Phòng TCHC, Ban Thanh tra, Trưởng đơn vị có liên quan.

- Hàng hoá: thành phần gồm đại diện BGD, Kế toán, Đảm bảo Chất lượng, Kiểm tra chất lượng, Phòng Cung ứng, Ban Kho vận và Thu tiền (đối với Khối Kinh doanh), Ban Quản lý Kho (đối với hàng hóa tại Nhà máy).

3.4.2 Nhiệm vụ:

- Hội đồng giúp HĐQT xác định những tài sản, hàng hoá không còn giá trị sử dụng được đánh giá lại hoặc huỷ bỏ.

3.4.3 Quy chế hoạt động:

- Căn cứ vào báo cáo kiểm kê tài sản của Kế toán trưởng, căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu sử dụng tài sản hiện có của các bộ phận. Các bộ phận làm đề nghị thanh lý tài sản gửi về HĐTL, sau khi nghiên cứu xem xét tính hiệu quả, hợp lý của đề nghị, HĐTL trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt phương án thanh lý tài sản cụ thể : Danh mục tài sản, giá trị khấu hao, giá trị còn lại, giá trị có thể thu hồi sau thanh lý, phương thức thanh lý (bỏ giá, đấu giá)

- Toàn bộ tiền thu được sau thanh lý HĐTL có trách nhiệm nộp về phòng KTTV theo quy định.

3.5. Hội đồng An toàn lao động (HĐATLĐ)

3.5.1 Thành phần:

- Giám đốc chất lượng - Chủ tịch hội đồng, Ủy viên Ban thường vụ BCH Công đoàn cơ sở Công ty - Phó Chủ tịch hội đồng, Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ điện - uỷ viên thường trực, uỷ viên là Trưởng phòng: TCHC, Đảm bảo chất lượng, **Cung ứng**, Cán bộ chuyên trách về ATVSLĐ, mạng lưới an toàn viên, vệ sinh viên, y tế, bảo vệ.

3.5.2 Nhiệm vụ:

- Tham gia, tư vấn với Tổng giám đốc và phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng qui chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch bảo hộ lao động và các biện pháp an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, các nhiệm vụ của Công ty theo pháp luật quy định.

3.5.3 Quy chế hoạt động:

- Định kỳ 3 tháng hoặc đột xuất, HĐQTLD tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện các công tác ATLĐ, PCCN, VSMT tại tất cả các đơn vị thuộc Công ty để có cơ sở đối chiếu với quy định của pháp luật và đề xuất với Tổng giám đốc biện pháp khắc phục kịp thời. Các cuộc kiểm tra Hội đồng phải thiết lập biên bản ghi lại các điểm cần tồn tại, phân công rõ người chịu trách nhiệm cải thiện, khắc phục và thời hạn hoàn thành.

- Hội đồng phân công 01 cán bộ hàng ngày: đi sát các bộ phận sản xuất, nhất là những nơi làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm dễ xảy ra tai nạn lao động để kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các biện pháp ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, kiểm tra tình hình thực hiện các nội quy, quy định của công ty, phát hiện các vi phạm lập biên bản chuyển về Phòng Tổ chức hành chính xử lý.

3.6. Hội đồng nghiệm thu (HĐNT):

3.6.1 Thành phần:

- Gồm Tổng giám đốc (Chủ tịch hội đồng), Giám đốc, Phòng Kỹ thuật cơ điện, Phòng Kế toán, Ban kiểm soát, Trưởng đơn vị sử dụng, người trực tiếp vận hành thiết bị.

3.6.2 Nhiệm vụ:

- Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho Hội đồng quản trị, kiểm tra, xác nhận thực tế về chất lượng, số lượng tài sản cố định, máy móc thiết bị, công trình sửa chữa, xây dựng cơ bản hoàn thành theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt.

3.6.3 Quy chế hoạt động:

- Khi các công trình sửa chữa, xây dựng cơ bản, đầu tư trang thiết bị, máy móc, tài sản cố định hoàn thành, đưa vào sử dụng hoặc chuyển tiếp sang một công đoạn đầu tư khác, Ban dự án, Phòng Kỹ thuật cơ điện, hoặc bộ phận được giao thực hiện quá trình giám sát, đầu tư báo cáo Chủ tịch HĐNT thông báo mời các thành phần tiến hành nghiệm thu.

- Các thành viên HĐQT kiểm đếm, đo đạc, ghi nhận số lượng; kiểm tra chất lượng đối tượng nghiệm thu theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật trong hợp đồng hoặc đề nghị đã được phê duyệt.

- Ban dự án, Phòng Kỹ thuật cơ điện thiết lập biên bản nghiệm thu, có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng nghiệm thu chuyên Phòng Kế toán.

- Trong quá trình nghiệm thu phát sinh vấn đề sai lệch so với tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu, HĐQT có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT xin ý kiến chỉ đạo.

3.7. Ban thanh tra nội bộ:

3.7.1 Thành phần: Do Hội đồng Quản trị quyết định

3.7.2 Nhiệm vụ:

- Ban có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy trình quy chuẩn, nội quy, quy định của công ty trên tất cả các mặt quản lý tài chính, lao động, sản xuất, kinh doanh, mọi hoạt động của công ty theo đúng pháp luật, điều lệ, quy chế quy trình công việc, quy chuẩn công việc công ty đã ban hành. Ban thanh tra chịu trách nhiệm về tính chính xác của mọi thông tin, báo cáo công tác trước Chủ tịch HĐQT.

3.7.3 Quy chế hoạt động:

3.7.3.1 Công tác tài chính:

- Kiểm tra giá, quy trình mua NVL, hàng hoá, vật tư, máy móc thiết bị, CCDC, tài sản khác phục vụ SXKD, XDCB, dự án đầu tư trong phạm vi toàn công ty so với giá hợp lý của thị trường cùng thời điểm. Các bộ phận, CBCNV trong công ty chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, hợp đồng, chứng từ, tài liệu, thông tin khi cán bộ thanh tra yêu cầu. Thời điểm kiểm tra có thể trước hoặc sau quá trình thực hiện nghiệp vụ mua, phương pháp kiểm tra mẫu đột xuất ít nhất một lần/ tháng.

- Khi phát hiện các điểm cần khắc phục, cán bộ thanh tra làm văn bản báo cáo trực tiếp chủ tịch HĐQT.

3.7.3.2 Công tác thực hiện các quy chế, quy trình, quy chuẩn:

- Hàng ngày cán bộ thanh tra kiểm tra trong phạm vi toàn bộ công ty việc thực hiện các quy chế, quy trình, quy chuẩn, nội quy đã ban hành.

- Khi phát hiện các điểm cần khắc phục, các vi phạm quy chế, quy trình, quy chuẩn, nội quy cán bộ thanh tra lập biên bản theo mẫu chuyển phòng TCHC giải quyết, nếu cán bộ thanh tra không lập biên bản thì bị phạt nặng gấp hai lần lỗi của người vi phạm.

3.8. Hội đồng sản phẩm mới – sản phẩm gia công

3.8.1 Thành phần:

- Thành viên HDQT, BGD, phòng NCPT, phòng ĐBCL, Phòng KTCL.

3.8.2 Nhiệm vụ:

- Hội đồng có trách nhiệm tìm hiểu thông tin, phân tích, đánh giá tính khả thi của ý tưởng sản phẩm mới và hoạch định chiến lược cụ thể của sản phẩm mới với mục tiêu sản phẩm được thị trường chấp nhận và đem lại hiệu quả kinh doanh cho công ty.

3.8.3 Quy chế hoạt động:

- Hội đồng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong hội đồng để thu thập thông tin sau đó tiến hành họp phân tích các thông tin, phản biện tìm ra phương án tối ưu cho sản phẩm mới hoặc sản phẩm gia công.

3.9. Hội đồng đào tạo:

3.9.1 Thành phần:

- Thành viên Ban Giám đốc Công ty : Chủ tịch hội đồng
- Trưởng, Phó phòng Đảm bảo chất lượng : Phó chủ tịch hội đồng
- Trưởng Phòng NCPT : Ủy viên
- Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính : Ủy viên

3.9.2 Nhiệm vụ:

- Hội đồng đào tạo có trách nhiệm lập kế hoạch đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, chuẩn bị tài liệu, giáo án, tổ chức lớp đào tạo, thi, kiểm tra, chấm bài và xác định kết quả đào tạo.

- Phòng Tổ chức Hành chính: Thực hiện các công việc tổ chức cơ sở vật chất cho lớp đào tạo, kiểm tra, giám sát lập kế hoạch các báo cáo tham mưu cho hội đồng đào tạo.

- Các phòng ban đơn vị: Trưởng, phó các phòng Nghiên cứu Phát triển, Kiểm tra Chất lượng, Đảm bảo Chất lượng, Phòng Kỹ thuật cơ điện, một số DSDH ở các phân xưởng sản xuất có trách nhiệm tham gia việc xây dựng nội dung đào tạo và trực tiếp giảng dạy chuyên môn, kiểm tra thi nâng bậc, xác định kết quả đào tạo.

3.9.3 Quy chế hoạt động:

- Hội đồng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong hội đồng để thực hiện công tác đào tạo đạt kết quả đáp ứng yêu cầu:

3.10. Hội đồng triển khai thực hiện các dự án mới:

3.10.1 Thành phần:

- Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch Hội đồng;
- Thành viên thường trực gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các thành viên Ban giám đốc;
- Các thành viên khác gồm: Kế toán trưởng, Trưởng ban Dự án, Trưởng phòng Kỹ thuật cơ điện.

3.10.2. Nhiệm vụ:

- Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá, phân tích, thẩm định hiệu quả các dự án mới của công ty trước khi triển khai.
- Trong quá trình triển khai dự án Hội đồng tham gia đánh giá, xét duyệt các công nghệ liên quan, hồ sơ thiết kế, máy móc thiết bị; nội dung các bài thầu hoặc chào giá cạnh tranh;
- Theo dõi, kiểm tra và điều chỉnh dự án nếu cần thiết.

3.10.3 Quy chế hoạt động:

- Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên được Chủ tịch Hội đồng phân công tùy theo từng dự án.
- Tùy tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh HĐQT sẽ thành lập thêm các hội đồng tư vấn để phục vụ công tác.

3.11. Hội đồng thẩm định máy móc, thiết bị

3.11.1. Thành phần:

- Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch Hội đồng;
- Thành viên thường trực gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các thành viên Ban giám đốc;
- Các thành viên khác gồm: Kế toán trưởng, Trưởng ban Dự án, Trưởng phòng Kỹ thuật cơ điện, các nhóm trưởng cơ điện, Thanh tra Tài chính.

3.11.2. Nhiệm vụ:

- Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá, phân tích, thẩm định hiệu quả các đề nghị đầu tư máy móc, thiết bị của các đơn vị hoặc các dây truyền mới đầu tư của công ty bằng cách thu thập thông tin, tham quan, vận hành trực tiếp các thiết bị trên các dạng sản phẩm của công ty.

- Trong quá trình triển khai đầu tư máy móc, thiết bị Hội đồng tham gia đánh giá, xét duyệt các công nghệ liên quan, hồ sơ kỹ thuật, máy móc thiết bị; nội dung các bài thầu, chào giá cạnh tranh hoặc hình thức khác;

- Theo dõi, kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch đầu tư nếu cần thiết.

3.11.3. Quy chế hoạt động:

- Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên được Chủ tịch Hội đồng phân công tùy theo từng kế hoạch đầu tư máy, thiết bị.

Tùy tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Hội đồng quản trị sẽ thành lập thêm các hội đồng tư vấn để phục vụ công tác.

4. Các quy chế cụ thể:

4.1. Quy chế tuyển dụng lao động:

- Thực hiện theo pháp luật lao động quy định. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu công việc, các nguồn nhân lực hiện có của công ty, đề nghị tuyển dụng lao động của các bộ phận, phòng TCHC tổng hợp kế hoạch tuyển dụng trình HĐQT phê duyệt.

- Yêu cầu tuyển dụng: ứng viên phải có trình độ, kinh nghiệm, năng lực, khả năng công tác đáp ứng quy chuẩn, quy trình công việc.

- Quy trình tuyển dụng: Phòng TCHC kiểm tra hồ sơ sau đó phỏng vấn sơ bộ, lập danh sách ứng viên để HĐ tuyển dụng phỏng vấn, tiếp theo phòng TCHC làm thủ tục tập nghề hoặc thử việc với các ứng viên đã đạt yêu cầu phỏng vấn của HĐ tuyển dụng, định kỳ hàng năm phòng TCHC trình HĐQT danh sách các ứng viên hoàn thành tốt công việc được giao sau thời gian tập nghề, thử việc để sát hạch và báo cáo HĐQT xem xét tuyển dụng chính thức.

4.2. Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

4.2.1 Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý:

- Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị thống nhất quyết định tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán, năng lực, trình độ cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

4.2.2. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý:

- Căn cứ vào yêu cầu công việc, kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn của Công ty và các bộ phận, Tổng Giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị xem xét bổ

nhiệm chính thức cán bộ quản lý sau một thời gian thực hiện tạm quyền và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4.2.3. Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý:

- Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người sử dụng lao động trực tiếp ký kết hợp đồng lao động với cán bộ quản lý được bổ nhiệm.

4.2.4. Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý:

- Căn cứ vào yêu cầu công việc, kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn của Công ty và các bộ phận mà cán bộ quản lý chịu trách nhiệm không hoàn thành công việc được giao, hoặc có các hành vi không đủ tư cách Tổng Giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị xem xét miễn nhiệm cán bộ quản lý.

4.2.5 Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý:

- Khi Hội đồng quản trị ra Nghị quyết về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý, bộ phận giúp việc hoàn thiện quyết định, thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm gửi cán bộ quản lý, đơn vị, HĐQT, BKS; công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

4.3. Quy chế đào tạo:

4.3.1 Đào tạo về quản trị công ty:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

4.3.2 Đào tạo định kỳ:

- Với các chương trình đào tạo huấn luyện định kỳ theo quy định, HĐQT giao phòng TCHC tổ chức theo quy định pháp luật lao động; phòng ĐBCL tổ chức đào tạo chuyên môn GMP, kết hợp với phòng NVKD đào tạo chuyên môn GDP, GPP.

4.3.3 Đào tạo nâng cao:

- Căn cứ vào yêu cầu công việc, khả năng đáp ứng của nhân viên, kiện toàn công tác chuyên môn, cập nhật các văn bản, chính sách mới của cơ quan quản lý, nâng cao chất lượng lao động, các đơn vị phát sinh nhu cầu đào tạo làm đề nghị chuyên phòng TCHC trình HĐQT, Ban Giám đốc phê duyệt.

- Kinh phí đào tạo để đáp ứng công việc chuyên môn đã được Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc phê duyệt cho CBCNV đi học do công ty chi trả, trong thời gian đi

học CBCNV hưởng nguyên lương. Sau khi CBCNV được cử đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn dài hạn (từ 01 tháng trở lên) phải cam kết làm việc tại công ty ít nhất bằng 10 lần thời gian đào tạo. Trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động phải hoàn trả toàn bộ kinh phí công ty đã chi về đào tạo cho người lao động.

- Trường hợp CBCNV theo nhu cầu cá nhân tham dự các chương trình đào tạo: toàn thời gian không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động với công ty, HĐQT giao phòng TCHC thực hiện thủ tục chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật; Trường hợp học không toàn thời gian và vẫn hoàn thành công việc được giao, được sự chấp thuận của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc phê duyệt thì thời gian đi học không được hưởng lương hoặc hưởng lương theo doanh số khoán bán hàng, tự đóng các khoản BHXH và không được công ty chi trả kinh phí đào tạo. Khi CBCNV kết thúc chương trình đào tạo nếu công ty không thể sắp xếp công việc thì người lao động phải tự nguyện đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với công ty.

4.4. Quy chế dân chủ đối thoại:

- Thực hiện quy định của pháp luật lao động về việc tổ chức đối thoại với người lao động, tạo điều kiện để người lao động biết, tham gia ý kiến, quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động. Chia sẻ thông tin, tăng cường sự hiểu biết giữa người sử dụng lao động và người lao động để xây dựng quan hệ lao động tại nơi làm việc. Thiết lập mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định, góp phần ngăn ngừa và hạn chế tranh chấp lao động trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

- Hình thức thực hiện: công bố các thông tin theo quy định tới người lao động thông qua các: Hội nghị người lao động, hội nghị giao ban, trực tiếp cho người lao động hoặc qua hệ thống thông tin nội bộ của công ty (website, email, công văn, bảng tin ...).

4.5. Quy chế xây dựng văn hoá doanh nghiệp:

- CBCNV trong công ty thực hiện nghiêm túc chuẩn mực ứng xử văn hoá công ty đã ban hành. Trưởng các bộ phận: khi tiếp nhận lao động mới có trách nhiệm hướng dẫn cho người lao động thuộc và thực hiện; thường xuyên kiểm tra phát hiện những trường hợp vi phạm nội quy, quy định, chuẩn mực ứng xử để nhắc nhở, uốn nắn kịp thời. Trong đánh giá chất lượng lao động hàng tháng trên các tiêu chí: hoàn thành nhiệm vụ được giao, năng suất, chất lượng công việc, việc thực hiện nội quy, quy định, ứng xử văn hoá để bình xét.

- Mục tiêu từng bước phấn đấu xây dựng giá trị mềm văn hoá doanh nghiệp mang bản sắc Dược Hải Dương từ hình thức, nội dung, chất lượng công tác, sản phẩm, dịch vụ với tiêu chí làm hài lòng khách hàng, đối tác, người đối diện.

4.6. Quy chế đầu tư, xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định:

4.6.1. Yêu cầu:

- Căn cứ vào nhu cầu thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh. Đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm trong quá trình đầu tư, mua sắm, xây dựng, đem lại hiệu quả cao nhất khi sử dụng.

4.6.2. Trình tự:

- Khi phát sinh nhu cầu đầu tư, xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định, máy móc thiết bị bộ phận sử dụng làm văn bản đề nghị, nêu rõ căn cứ, số liệu chứng minh khoa học về nhu cầu, khả năng khai thác công suất, hiệu quả kinh tế, dự kiến các thông số kỹ thuật chính, nhà sản xuất, cung cấp, giá cả tham khảo trình Ban giám đốc.

- Ban giám đốc nghiên cứu đề nghị của các bộ phận, tìm hiểu các thông tin tư vấn, lập phương án khả thi trình HĐQT.

- HĐQT bàn bạc, thống nhất, ra quyết định đầu tư giao Ban giám đốc thực hiện.

4.7. Bàn giao công tác:

4.7.1. Yêu cầu:

- Căn cứ vào nhu cầu thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh và năng lực công tác của cán bộ, công nhân viên phát sinh việc luân chuyển hoặc nghỉ công tác thì cán bộ công nhân viên, cán bộ quản lý, các phòng ban chức năng có trách nhiệm tổ chức bàn giao công việc theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ và quy chế công ty quy định.

4.7.2. Trách nhiệm:

- Cán bộ công nhân viên bàn giao công việc có trách nhiệm hoàn thiện công việc, giải quyết các tồn tại, vướng mắc liên quan, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu, tài sản, công việc được giao để bàn giao lại và hướng dẫn cho cán bộ hoặc bộ phận nhận bàn giao thực hiện đảm nhiệm công việc đạt được hiệu quả cao nhất.

+ Cán bộ công nhân viên và bộ phận nhận bàn giao công tác.

+ Phòng Kế toán tài vụ có trách nhiệm hoàn thành báo cáo số liệu tài chính tại thời điểm bàn giao theo đúng quy định của chế độ kế toán.

+ Trưởng các bộ phận có trách nhiệm kết hợp cùng phòng Kế toán tài vụ , các phòng ban chức năng liên quan tổ chức bàn giao và thiết lập biên bản ghi lại kết quả bàn giao có đầy đủ chữ ký của các bên giao nhận.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 5: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi Thành viên Ban kiểm soát, bao gồm nội dung chính sau:

- a) Tiêu chuẩn thành viên Thành viên Ban kiểm soát;
- b) Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí Thành viên Ban kiểm soát của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- c) Cách thức bầu Thành viên Ban kiểm soát;
- d) Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát;
- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.

2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề cử, ứng cử bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.

Điều 3. Tiêu chuẩn Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ công ty.

Điều 4. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại các Điều 4 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định, ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Thành viên Ban kiểm soát biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Thành viên Ban kiểm soát sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 5. Cách thức bầu Thành viên Ban kiểm soát

Việc bầu Thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự việc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 5 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát sẽ được công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 6: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, bao gồm nội dung chính sau:

- a. Tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp;
- b. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
- c. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
- e. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.

Điều 3. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Tiêu chuẩn làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng thực hiện theo Điều 27 Quy chế quản trị công ty.

Điều 4. Bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc

a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề cử tối đa 01 ứng viên vào vị trí Tổng giám đốc. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử chính mình vào vị trí Tổng giám đốc.

b. Sau khi tập hợp Danh sách ứng viên bổ nhiệm vào vị trí Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị là ứng viên thì không được bỏ phiếu cho chính mình. Ứng viên trúng cử là người đạt tối thiểu 2/3 ý kiến biểu quyết nhất trí của các thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp có nhiều hơn 01 người có cùng số phiếu bầu cao nhất, người trúng cử là người có lá phiếu bầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Sau cuộc họp bỏ phiếu tín nhiệm, Hội đồng quản trị ra quyết định bổ nhiệm vào vị trí Tổng giám đốc.

2. Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác

a. Tổng Giám đốc căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc đề cử Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.

b. Hội đồng quản trị căn cứ vào đề xuất của Tổng giám đốc, xem xét và ra quyết định bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.

Điều 5. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

1. Thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động:

Việc ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị thực hiện.

Việc ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện.

Việc ký hợp đồng lao động với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Tổng Giám đốc thực hiện.

2. Các điều khoản trong hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành không được trái với quy định của pháp luật lao động.

Điều 6. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác sẽ bị miễn nhiệm:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 27 Quy chế này;
- b. Có đơn từ chức;
- c. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm **Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng** và người điều hành khác khi có lý do vì lợi ích của công ty tuy nhiên không được trái với các quy định trong hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 7. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành, bao gồm nội dung chính sau:

- a) Nguyên tắc làm việc;
- b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS;
- c) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành;
- d) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc điều hành và BKS.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.

2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 4. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty. Tổng giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 5. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.
2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.
4. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới Hội đồng quản trị.
5. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

6. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.
7. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
8. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho Thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các Thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.
2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.
3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát.
4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các Thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
5. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:

- a) Đánh giá hoạt động;
- e) Khen thưởng;
- f) Kỷ luật;

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác.

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:

- a) Đánh giá hoạt động;
- b) Khen thưởng;
- c) Kỷ luật;

2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 4. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác.

Điều 5. Đánh giá hoạt động

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
2. Trưởng ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Thành viên Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các người điều hành khác.

Điều 6. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
2. Chế độ khen thưởng:
 - a. Bằng tiền;
 - b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.
4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 7. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

DỰ THẢO

Hải Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu

trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính

xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 03 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời **hạn 10 ngày** kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;

- c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài

chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị

quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ

lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại

khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc

cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được **Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm** sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời

điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương bao gồm VII chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Dự thảo

Hải Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu **từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát.** Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử

viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được

công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều

115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ

đồng.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng

thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương bao gồm VII chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

